

Đồng hành cùng bạn,
vươn tới tương lai



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2015**



**PHẦN I
THÔNG TIN CHUNG**

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT.....	5
PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC.....	7
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	10
THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN.....	14
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY.....	716

**PHẦN II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD.....	20
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	21
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	25
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY.....	26
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG.....	27

**PHẦN III
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SXKD.....	31
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	33
TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI.....	34

**PHẦN IV
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	37
ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD.....	37
KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT.....	37

**PHẦN V
QUẢN TRỊ CÔNG TY**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	41
BAN KIỂM SOÁT.....	44
CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD, BKS.....	45

**PHẦN VI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

PHẦN II

THÔNG TIN CHUNG

Trải qua 26 năm hình thành và phát triển, các thế hệ lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai đã gắn kết một lòng, đặt nền móng và cùng nhau xây dựng một thương hiệu vững mạnh được khẳng định không chỉ bằng niềm tin của khách hàng, mà còn là uy tín với đối tác. Đó là những giá trị kết tinh, là niềm tự hào lớn lao của Công ty CP Cảng Đồng Nai (PDN), ngành logistics và nền kinh tế đất nước.

- ✚ Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
- ✚ Mã cổ phiếu: PDN
- ✚ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600334112 (Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 4703000301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 24 tháng 12 năm 2014)
- ✚ Vốn điều lệ: 123.479.870.000 đồng
- ✚ Địa chỉ: 1B-D3 Khu Phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- ✚ Số điện thoại: 061 3832225
- ✚ Fax: 061 3831259
- ✚ Email: info@dongnaiport.com.vn
- ✚ Website: www.dongnai-port.com



Kính thưa Quý vị cổ đông!

Thay mặt cho Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời chào trân trọng và lời tri ân sâu sắc đến toàn thể Quý vị Cổ đông, những người luôn gắn bó, tin tưởng và tạo động lực cho sự phát triển không ngừng của PDN suốt 26 năm qua.

Năm 2015 nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều khởi sắc, mở ra nhiều cơ hội mới cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Mặc dù vậy, chúng ta vẫn chưa nhìn thấy sự bứt phá thực sự của kinh tế nước nhà trong năm qua khi mà tổng cầu vẫn còn yếu; nợ xấu chưa được giải quyết hiệu quả; tín dụng không đến được với doanh nghiệp cần vốn; tốc độ phục hồi kinh tế chậm, căng thẳng trên Biển Đông... được thể hiện qua sự trăn trở của các nhà lãnh đạo.

Để đưa con tàu “PDN” thoát khỏi tình trạng khó khăn chung, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, bám sát thị trường, tận dụng và phát huy các điều kiện thuận lợi mà PDN có được, cải tiến dịch vụ hiện hữu và nỗ lực tìm kiếm, giữ chân các khách hàng đến với PDN. Song trong quá trình triển khai thực hiện PDN cũng gặp phải không ít khó khăn khách quan và chủ quan như bao doanh nghiệp Việt Nam khác. Để đạt được các mục tiêu này, thời gian qua PDN đã tiến hành hoạt động và tăng cường thêm dịch vụ liên quan đến các mảng khai thác container, logistics, hoạt động cho thuê kho bãi phục vụ lưu trữ hoặc đóng rút hàng với mục đích hoàn thiện hóa chuỗi dịch vụ cung ứng, tái cấu trúc bộ máy nhân sự nhằm nâng cao năng suất lao động, xây dựng văn hóa doanh nghiệp sát hơn với thực tế. Cùng với sự ủng hộ, hỗ trợ của Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý cơ quan hữu quan, PDN sẽ tiếp tục phát huy những thành quả có được từ những năm qua và luôn tin tưởng vào một viễn cảnh tốt đẹp cho những năm tiếp theo.

Năm 2016 với nhiều vận hội và thách thức, cùng với chiến lược tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và sự đồng lòng, nỗ lực cao nhất của tập thể CB-CNV, PDN quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách để giữ vững và mở rộng thị phần, nắm bắt cơ hội tăng trưởng, không ngừng gia tăng lợi ích cho Quý Cổ đông và đối tác nhằm đóng góp vào sự phát triển chung của PDN và xã hội.

Xin Quý vị nhận lời cảm ơn chân thành của tôi và hy vọng với sự hỗ trợ của quý vị, PDN sẽ tiếp tục gặt hái những thành quả tốt đẹp hơn trong tương lai.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Sâm

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Bạch Mai

Kính thưa quý khách hàng, đối tác và quý vị cổ đông!

Nếu năm 2014 đánh dấu chặng đường 25 năm hình thành và phát triển của PDN – một phân tử thế kỷ với nhiều thành công vượt bậc từ quyết tâm và nỗ lực của Cổ đông, Nhà đầu tư, Tập thể lãnh đạo và Người lao động của PDN thì năm 2015 có thể được coi là năm khởi đầu cho một giai đoạn phát triển với nhiều thách thức và vận hội mới.

Năm 2015 đi qua với những dấu hiệu khởi sắc của nền kinh tế Việt Nam, công cuộc tái cấu trúc nền kinh tế của các doanh nghiệp chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Theo lộ trình gia nhập WTO thì đến năm 2015, hoạt động cảng biển Việt Nam cùng các dịch vụ đi kèm phải “mở cửa hoàn toàn”, từng loại hình dịch vụ phải từng bước tiến đến hội nhập. Những khó khăn, thách thức vẫn hiện hữu và ảnh hưởng đến nền kinh tế trong nước và các doanh nghiệp hoạt động cảng biển này, đặc biệt là nhóm cảng biển số 5 (TP.HCM, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu) trong những năm gần đây rơi vào tình trạng khủng hoảng thừa, lượng cung vượt cầu gây ảnh hưởng nhiều đến tình hình hoạt động tại PDN do cạnh tranh không lành mạnh. Bên cạnh đó, việc kiểm soát tải trọng xe làm gia tăng tần suất vận tải bộ, ách tắc vận tải container tại các vùng nội đô ra vào cảng.

Trước tình hình khó khăn chung của các doanh nghiệp hoạt động cảng biển cũng như của PDN, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động đưa ra nhiều giải pháp hành động cụ thể và kiên định với chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng, đa dạng hóa hoạt động kinh doanh một cách có chọn lọc để hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ, cụ thể như:

- ☛ Phát triển cơ sở hạ tầng: Mở rộng diện tích kho, bãi, đưa vào hoạt động bến tàu 30.000DWT tại Gò Dầu và bến tàu 3.000DWT tại khu vực Long Bình Tân.
- ☛ Đa dạng hóa hoạt động kinh doanh: Tăng cường cho thuê kho bãi phục vụ đóng rút hàng, phát triển dịch vụ logistics,...

Nỗ lực của Ban lãnh đạo đã được ghi nhận thông qua thành quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

- ☛ Sản lượng
 - Ngành khai thác container: đạt 336.246 teus
 - Ngành hàng tổng hợp: đạt 3.783.081 tấn
- ☛ Doanh thu
 - Tổng doanh thu: 336.745.000.000 đồng
 - Tổng lợi nhuận trước thuế: 54.010.000.000 đồng

Nổi tiếp những thành tích ấn tượng trong hoạt động sản xuất và kinh doanh, năm 2015 tiếp tục là năm cổ phiếu PDN được nhiều cổ đông và nhà đầu tư lựa chọn do có mức sinh lời và mức giá biến động tốt trong khi rủi ro thấp hơn so với hầu hết các cổ phiếu khác trên thị trường, công tác truyền thông trao đổi thông tin giữa Công ty với cổ đông luôn được cải tiến, phát huy hiệu quả và đã nhận được nhiều sự phản hồi tích cực.

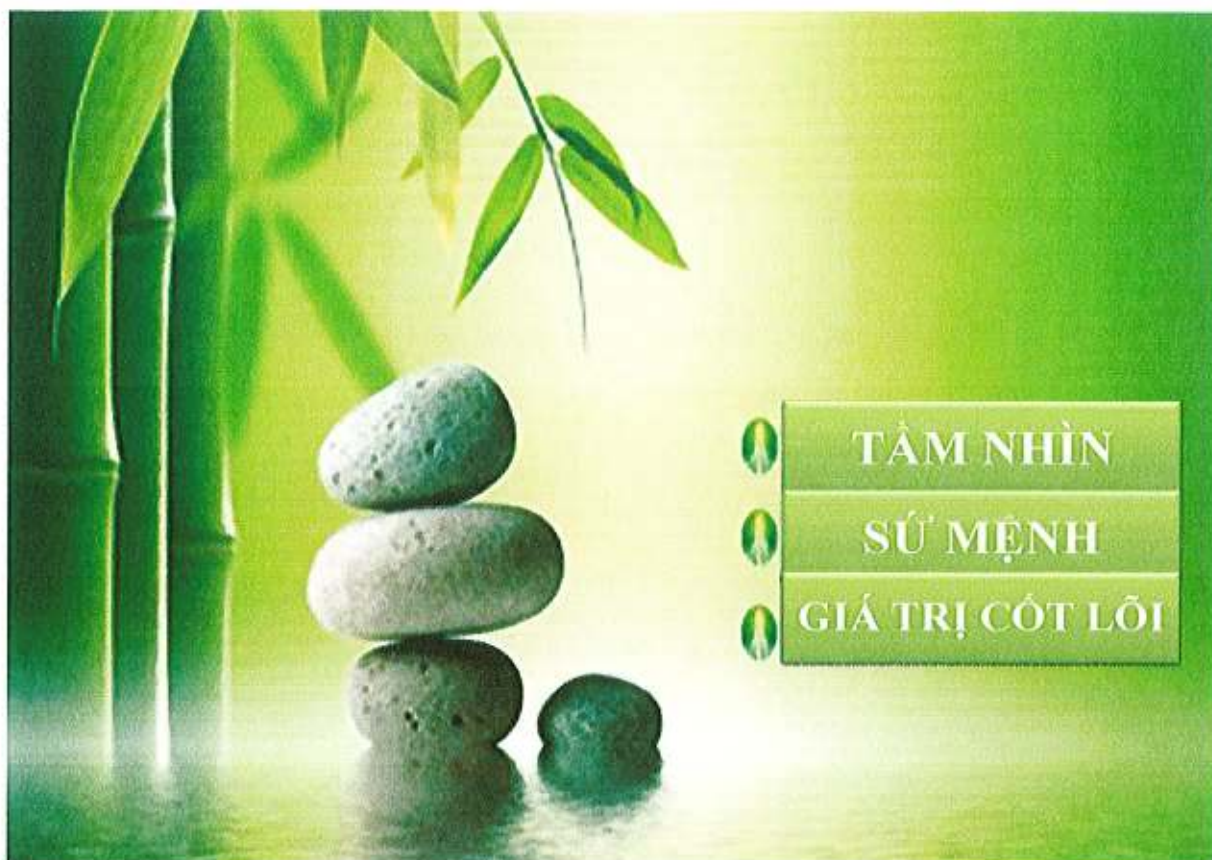
Năm 2015 qua đi và mở ra nhiều vận hội, thách thức cho năm 2016. Với chiến lược tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, cùng sự đồng lòng và nỗ lực cao nhất của tập thể CB-CNV, PDN quyết tâm phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách để giữ vững và mở rộng thị phần, nắm bắt cơ hội tăng trưởng, không ngừng gia tăng lợi ích cho Quý cổ đông và các bên hữu quan, đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội.

Xin kính chúc Quý vị cổ đông cùng gia đình sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC

lsm
Nguyễn Thị Bạch Mai



TÂM NHÌN:

Hướng tới sản lượng hai mươi triệu tấn xếp dỡ vào năm 2020.

SỨ MỆNH:

Mang lại chuỗi cung ứng tốt nhất cho khách hàng, lợi ích bền vững cho nhà đầu tư.

Hoạt động hiệu quả, an toàn, môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện.

Cảng Đồng Nai nỗ lực vì sự phát triển kinh tế, góp phần xây dựng tỉnh Đồng Nai theo hướng Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI:

Trách nhiệm – Hợp tác – Hành động - Ảnh hưởng tích cực – Đạt mục tiêu.

KHẨU HIỆU

Đồng hành cùng bạn, vươn tới tương lai

LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Lĩnh vực hoạt động

- ✓ Dịch vụ kho bãi
- ✓ Dịch vụ ICD, xếp dỡ, kiểm đếm, đóng rút, lưu trữ, giao nhận hàng hóa
- ✓ Dịch vụ giao nhận door to door nội địa
- ✓ Dịch vụ logistics và khai thuê hải quan
- ✓ Dịch vụ vận tải hàng hóa thủy bộ, vận tải đa phương thức
- ✓ Dịch vụ sửa chữa khác

Địa bàn kinh doanh

Công ty đang cung cấp các dịch vụ cho khách hàng tại khu vực Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Tp.HCM, Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Dương.

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN

Năm phát hành	Các lần tăng vốn	VĐL tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL lũy kế (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn
2006	34.990	-	34.990	-
02/2008	34.990	14.010	49.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
06/2008	49.000	2.450	51.450	Cổ phiếu thưởng
11/2010	51.450	30.870	82.320	Cổ phiếu thưởng và phát hành cho cổ đông hiện hữu
08/2014	82.320	41.160	123.480	Tăng vốn từ nguồn vốn CSH

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1989	- Tháng 06/1989: UBND Tỉnh Đồng Nai quyết định thành lập Cảng Đồng Nai.
1994	- Tháng 08/1994: Cảng chính thức ký hợp đồng với Công ty UIC vay 150 nghìn USD để xây dựng 30m cầu cảng 5.000DWT tại Cảng Gò Dầu khu A

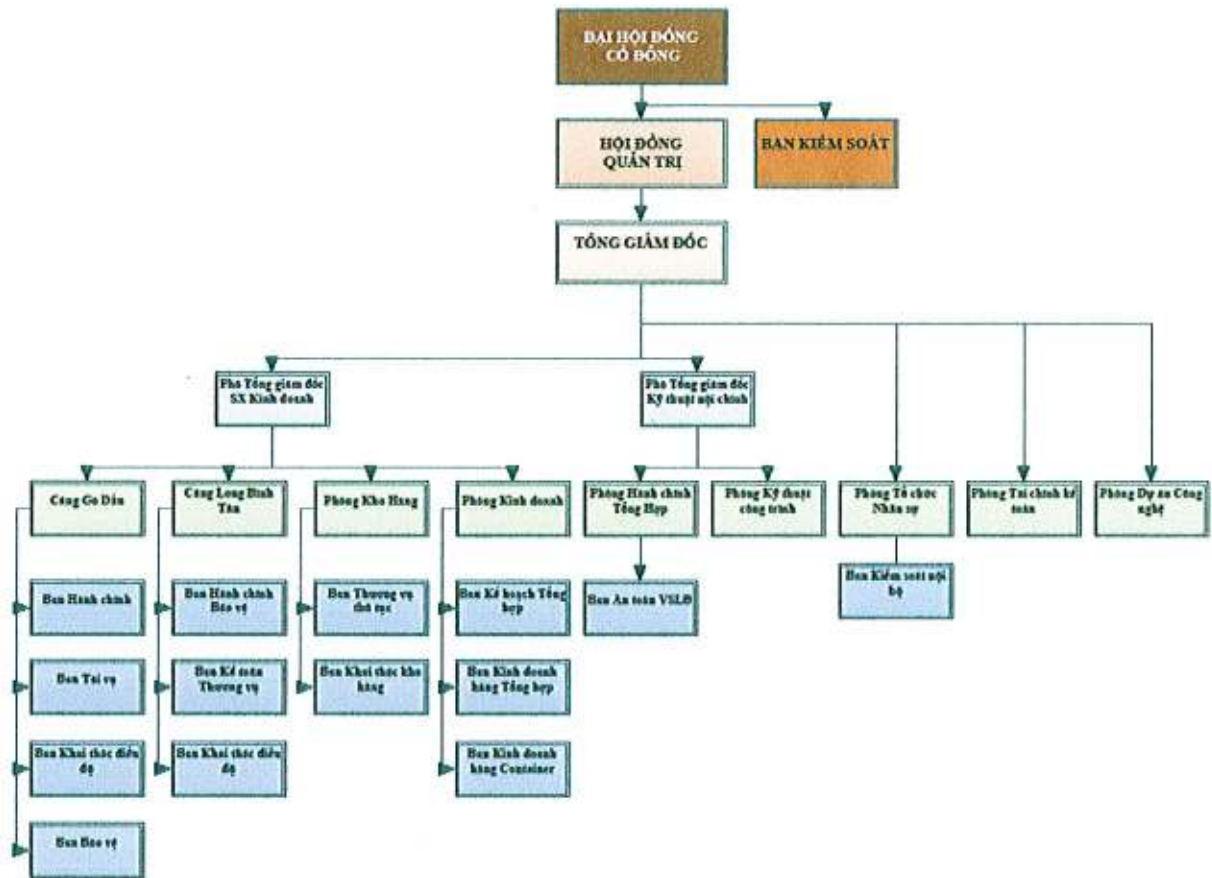
	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 10/1994: Ký kết với Công ty LD VT-Gas thuê bãi 20 năm trả trước 10 năm lấy vốn đầu tư xây dựng Cảng.
1995	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 06/1995: UBND Tỉnh Đồng Nai quyết định thành lập DN Nhà nước Tỉnh Đồng Nai theo Nghị định 388-HĐBT ngày 20/11/1991. - Khánh thành kho hàng 1.500m² đầu tiên của Cảng Đồng Nai. - Khởi công xây dựng 1,2km đường vào Cảng Gò Dầu Khu A - Nhận và triển khai công tác bồi thường Cảng Gò Dầu Khu B.
1996	<ul style="list-style-type: none"> - Khởi công Dự án nghiên cứu cải tạo đoạn cong luồng vào Cảng Gò Dầu tạo điều kiện xây cầu 15.000DWT. - Bắt đầu đàm phán với tập đoàn Shell VN để nhận ứng vốn 1 triệu USD đầu tư xây dựng cầu cảng và mở rộng bãi tại Cảng Gò Dầu Khu B.
1997	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 03/1997: Ký hợp đồng khởi công 30m cầu B1 phân đoạn cầu cảng 15.000DWT và mở rộng bãi tại Cảng Gò Dầu khu B.
1998	<ul style="list-style-type: none"> - Đàm phán với nhà đầu tư Công ty phân bón Việt Nhật JVF để nhận ứng vốn 1,5 triệu USD đầu tư xây dựng cầu cảng 12.000DWT tại Cảng Gò Dầu Khu B.
2005	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 05/2005: Ký kết hợp đồng với Công ty TPC Vina vay vốn 1,5 triệu USD xây dựng cầu cảng B3 Tại Gò Dầu Khu B để đón tàu 15.000DWT. - Tháng 12/2005: Cảng Đồng Nai tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
2006	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 01/2006: Cảng Đồng Nai chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000301 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu với vốn điều lệ đăng ký là 49.000.000.000 đồng. - Tháng 05/2006: Hoàn thành đưa vào sử dụng bến B3 thuộc Cảng Gò Dầu Khu B với tổng chiều dài 105m, tiếp nhận tàu có trọng tải đến 15.000DWT.
2007	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 05/2007: Hoàn thành bến A3 thuộc Cảng Gò Dầu Khu A với tổng chiều dài 110m, tiếp nhận tàu có trọng tải 10.000DWT.
2008	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 10/2008: Khánh thành cầu A3, mở rộng, hoàn chỉnh hệ thống cầu cảng Gò Dầu Khu A cho tàu 10.000DWT.
2009	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng Cảng Container 5.000DWT tại Long Bình Tân và mua 2 cầu Liebherr để tác nghiệp hàng hóa.
2010	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 02/2010: Khánh thành hệ thống cầu cảng Container Long Bình Tân

2011	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 10/2011: Hoàn thành tuyến đường vào Cảng Container Long Bình Tân - Tháng 10/2011: Cổ phiếu Công ty CP Cảng Đồng Nai chính thức được niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE.
2012	<ul style="list-style-type: none"> - Sản lượng Container đạt mốc 100.000Teus sau 01 năm đưa vào khai thác.
2013	<ul style="list-style-type: none"> - Được UBND Tỉnh Đồng Nai tôn vinh là Doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ. - Hệ thống kho CFS được chính thức đưa vào hoạt động. - Khởi công xây dựng cầu cảng 3.000DWT tại khu vực Long Bình Tân.
2014	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 09/2014: Khởi công xây dựng cầu cảng 30.000DWT tại Cảng Gò Dầu - Kho ngoại quan được cấp phép hoạt động. - Sản lượng xếp dỡ đạt 3.494.504 tấn, 255.709 teus; Tổng doanh thu đạt 273.096.000.000 đồng; tăng 30% so cùng kỳ, tăng 182% so với năm 2010.
2015	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa vào hoạt động bến 3.000DWT và kho 5.000m² tại Cảng Long Bình Tân. - Tháng 09/2015: Khánh thành và đưa vào hoạt động bến tàu 30.000DWT tại Cảng Gò Dầu Khu B.

MÔ HÌNH TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua. PDN có cơ cấu tổ chức như sau:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY NĂM 2015



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Công ty liên kết	Lĩnh vực	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của PDN
1	Công ty CP Cảng Long Thành. Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	Khai thác dịch vụ, hạ tầng cảng biển và xếp dỡ hàng hóa	9.150.000.000	30%
2	Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai. Địa chỉ: Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ xếp dỡ, xăng dầu, vận tải...	30.000.000.000	45%

Tình hình hoạt động và tài chính của các Công ty liên kết

Công ty CP Cảng Long Thành và Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai là các Công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực xếp dỡ, vận tải, kinh doanh xăng dầu. Trong năm 2015 tình hình hoạt động của các Công ty tiếp tục khả quan hơn so với năm trước.

Doanh thu và Lợi nhuận trước thuế của Công ty CP Cảng Long Thành lần lượt là 12,8 tỷ đồng (tăng 20% so cùng kỳ) và 4,92 tỷ đồng (tăng 16% so cùng kỳ).

Doanh thu và Lợi nhuận trước thuế của Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai lần lượt là 76,940 tỷ đồng (tăng 14% so cùng kỳ) và 4,513 tỷ đồng (tăng 4% so cùng kỳ).

Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp; Số lượng 6.297.480 cổ phần (tỷ lệ 51%/VĐL)

Tình hình đầu tư dài hạn vào Công ty khác:

PDN đã đầu tư 7.000.000.000 đồng vào Công ty CP Sonadezi Châu Đức. Địa chỉ: Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Khai thác Cảng là mục tiêu cốt lõi của PDN. Hiện tại, PDN đang hình thành và phát triển cơ sở hạ tầng, kho bãi, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh hướng tới việc tăng cường hoạt động trong chuỗi cung ứng logistics trải dài từ Bắc vào Nam, các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm.

Chuyên nghiệp hóa đội ngũ lãnh đạo nhằm định hướng đường lối chiến lược và điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của PDN, nâng cao tay nghề và quán triệt tinh thần phục vụ khách hàng cho toàn thể cán bộ công nhân viên.

Đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều phối hàng hóa, container, kho bãi... gia tăng hiệu quả khai thác và tiết kiệm chi phí.

Nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu khách hàng và tạo ra nền tảng tối ưu hóa năng suất lợi nhuận.

ngành nghề kinh doanh khác, hoạt động cầu cảng, cho thuê kho bãi, vận tải ... thì PDN cũng chịu ảnh hưởng từ sự thay đổi của nền kinh tế. Khi nền kinh tế tăng trưởng tốt sẽ ảnh hưởng tích cực đến tình hình hoạt động kinh doanh của PDN và ngược lại. Thêm vào đó, giá vật tư, nguyên liệu thường xuyên biến động ở mức cao, đồng thời hầu hết các doanh nghiệp trong nước cũng phải đối mặt với áp lực cạnh tranh để có thể đứng vững trong quá trình hội nhập.

Rủi ro về luật pháp

Hoạt động trong thẩm quyền của pháp luật Việt Nam, Công ty tất yếu chịu những rủi ro do hệ thống pháp luật. Nước ta đang ở giai đoạn đầu của thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới, hệ thống văn bản pháp quy còn chưa được hoàn thiện, chưa đồng bộ với hệ thống luật và thông lệ quốc tế. Những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đang dần được thay đổi, do đó bất kỳ điều chỉnh nào của chính sách pháp luật cũng sẽ có tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đối với ngành kinh doanh cảng biển, ngoài các rủi ro nêu trên, ngành này còn phải gánh chịu thêm rủi ro của luật xây dựng như sự hạn chế việc cấp giấy chứng nhận sở hữu công trình và rủi ro ở việc thay đổi các chính sách của nhà nước.

Rủi ro đặc thù ngành

Hoạt động khai thác cảng và dịch vụ xếp dỡ phục vụ cho nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là hoạt động xuất nhập khẩu. Sự tăng trưởng về xuất nhập khẩu luôn gắn liền với chính sách khuyến khích hay hạn chế xuất nhập khẩu của Chính phủ. Khi chính sách xuất nhập khẩu của Chính phủ thay đổi sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kim ngạch xuất khẩu và hoạt động kinh doanh của PDN.

Ngoài những tác động từ chính sách trong nước, hoạt động xuất nhập khẩu còn phụ thuộc vào tình hình đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và nền kinh tế của cả thế giới. Trong khi đó, nền kinh tế thế giới vẫn còn nhiều phân hóa, tình hình thương mại quốc tế, vận tải thế giới đang gặp rất nhiều khó khăn dẫn tới nhu cầu lưu thông hàng hóa giữa các nước cũng như trao đổi hàng hóa giữa Việt Nam và thế giới gặp nhiều khó khăn.

Một đặc điểm khác của các doanh nghiệp ngành cảng là đều phải đầu tư với giá trị lớn vào cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại để đảm bảo năng lực kinh doanh nên rủi ro mà hầu hết ngành này phải đối mặt là tỷ lệ nợ trong cơ cấu vốn của ngành phổ biến ở mức khá cao, trong đó chủ yếu là các khoản vay bằng ngoại tệ. Do đó, áp lực biến động tỷ giá và lãi suất lên chi phí của doanh nghiệp là rất lớn.

Điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sản lượng và hiệu quả của Cảng phụ thuộc vào thời tiết, lũ lụt, thiên tai...

gây thiệt hại về đường xá; gây ra khó khăn cho phương tiện thủy, bộ trong việc vận hành kinh doanh.

Rủi ro cạnh tranh

Việt Nam chính thức gia nhập WTO là cơ hội rất lớn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng. Tuy nhiên, sự cạnh tranh về giá cước dịch vụ giữa các cảng trong khu vực sẽ gây không ít khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, sự gia tăng về số lượng cảng mới hình thành cũng như việc mở rộng hợp tác kinh doanh, liên doanh với đối tác nước ngoài của các doanh nghiệp trong ngành sẽ làm hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng khó khăn. Sự cạnh tranh tạo ra mức cước phí rẻ hơn, do vậy đây có thể là nhân tố làm ảnh hưởng đến doanh thu của các doanh nghiệp cùng ngành nói chung và của PDN nói riêng.

Rủi ro dự án

Hiện nay PDN đang trong giai đoạn tiếp tục triển khai, hoàn chỉnh các hạng mục công trình nên một trong những khó khăn mà PDN phải đối mặt là vấn đề tiến độ thực hiện công trình mà đây hoàn toàn phụ thuộc vào việc đền bù giải tỏa và tái định cư cho người dân tại khu vực, do các chính sách về giá đất đai luôn thay đổi nên PDN phải luôn cập nhật để đưa ra mức giá đền bù phù hợp cho người dân.

Rủi ro tỷ giá và lãi suất

Hiện PDN đang đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng và sản xuất kinh doanh, các dự án có vốn đầu tư lớn và được tài trợ từ các tổ chức tín dụng. Do vậy, sự thay đổi trong chính sách tiền tệ từ Chính phủ sẽ tác động lên lãi suất làm ảnh hưởng đến chi phí lãi vay của PDN.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của PDN. Để hạn chế rủi ro này công ty đã và sẽ mua bảo hiểm vật chất cho các tài sản tham gia trong quá trình kinh doanh.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Để công tác quản trị rủi ro có một hành lang hoạt động thông thoáng, phối hợp nhịp nhàng với các đơn vị, các quy chế quản trị rủi ro đã được ban hành. Theo đó, bộ phận quản trị rủi ro phải thường xuyên nắm bắt, cập nhật các vấn đề phát sinh tại đơn vị và nhanh chóng xây dựng, triển khai quy trình kiểm soát quản lý rủi ro với các nhiệm vụ:

Rà soát, góp ý để hoàn thiện quy trình sản xuất kinh doanh của từng đơn vị.

Tiến hành kiểm soát nội bộ định kỳ và đột xuất nhằm giảm thiểu chi phí bất hợp lý; giảm thất thoát để tăng hiệu quả hoạt động.

Tập trung công tác cắt giảm chi phí toàn diện ở từng đơn vị, từng bộ phận. Phối hợp với đơn vị phân tích hiệu quả và lựa chọn phương án kinh doanh phù hợp trước khi triển khai.

Rà soát, theo dõi kết quả thực hiện của từng đơn vị. Cảnh báo các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành mục tiêu, đánh giá và kiến nghị biện pháp xử lý những tồn tại.

Để giảm thiểu các rủi ro trên, ngoài việc mua các loại bảo hiểm rủi ro trong quá trình khai thác cảng, Công ty đang nỗ lực trong việc giải phóng hàng hóa nhanh cho khách hàng, cải cách thủ tục giao nhận hàng tại Công ty để rút ngắn thời gian chờ đợi cho khách hàng, thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, các nhà thầu vận tải, kinh doanh khai thác cảng để tạo thành chuỗi cung ứng dịch vụ khép kín để đưa hàng hóa từ kho nhà máy của khách hàng về đến cảng đích của nơi nhận hàng và phát huy lợi thế về vị trí địa lý thuận lợi là gần các khu công nghiệp.

Công ty cũng có những giải pháp như rà soát và yêu cầu các nhà thầu xây dựng thực hiện đúng tiến độ công trình để sớm đưa các hạng mục công trình đi vào khai thác, hạn chế thấp nhất các công trình dở dang kéo dài ảnh hưởng kế hoạch khai thác và phát sinh chi phí do biến động giá cả vật tư..., xúc tiến mạnh mẽ công tác đền bù và xây lắp mặt bằng các dự án đã được duyệt để đẩy nhanh tiến độ đấu thầu, thi công và đưa vào khai thác kịp tiến độ nhằm hạn chế việc bỏ lỡ cơ hội kinh doanh.

PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình chung

Trong năm 2015, tình hình kinh tế thế giới nói chung có nhiều diễn biến tích cực, triển vọng tăng trưởng của ngành cảng biển khả quan hơn, cụ thể hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa kỳ vọng tiếp tục duy trì tăng trưởng cao nhờ việc ký kết các hiệp định thương mại tự do. Nhiều nhà sản xuất lớn ở Nhật Bản, Hàn Quốc chuyển các đơn hàng sản xuất, nhà xưởng từ Trung Quốc sang Việt Nam nhằm đón đầu các hiệp định thương mại tự do cũng như tận dụng nguồn nhân công giá rẻ. Nguồn vốn FDI chảy vào các lĩnh vực xuất khẩu sẽ gia tăng nhu cầu các dịch vụ kho bãi, bốc dỡ và vận chuyển. Trong năm qua, cơ sở hạ tầng tại Việt Nam đang được đẩy mạnh đầu tư. Việc chính phủ cho phép các doanh nghiệp nhà nước thoái vốn và chỉ nắm quyền kiểm soát tại một số cảng đã đẩy mạnh việc tham gia của khu vực tư nhân vào lĩnh vực cảng biển, do vậy kỳ vọng là cơ sở hạ tầng cảng biển sẽ được hoàn thiện và hiệu suất sẽ được cải thiện hơn. Ngoài ra việc siết chặt tải trọng phương tiện đường bộ theo quy định của chính phủ tạo nên sự gia tăng nhu cầu vận tải bằng đường biển.

Ngành khai thác cảng được xem là ngành dịch vụ phụ trợ cho nền kinh tế. Do vậy, tương ứng khi kinh tế phát triển, nhu cầu luân chuyển hàng hóa gia tăng sẽ là động lực chính cho tiềm năng phát triển ngành. Ngành khai thác cảng ở Việt Nam hiện nay phần lớn chỉ phát triển ở mức độ là cảng trung chuyển quốc tế, hàng hóa sau khi rời cảng sẽ được tập kết ở một cảng quốc tế khác trong khu vực để vận tải viễn dương.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế cụ thể vẫn còn nhiều bất cập. Tình trạng dư thừa công suất đặc biệt nghiêm trọng tại khu vực Cái Mép – Thị Vải và Hiệp Phước, trong khi khu vực Cảng Cát Lái luôn quá tải và ùn tắc. Mặt khác các cảng trung chuyển nội địa bao gồm Cảng Đồng Nai hoạt động tương đối ổn định và phát triển đồng bộ với các khu công nghiệp lân cận.

Hoạt động kinh doanh của Cảng Đồng Nai

Cảng Long Bình Tân

Cảng Long Bình Tân được thiết kế xây dựng có tổng chiều dài cầu tàu là 270 mét với mớn nước sâu nhất là 8 mét, nơi có thể tiếp nhận tàu có trọng tải lên đến 5.000DWT. Hàng hóa thông qua Cảng Long Bình Tân chủ yếu là vật liệu xây dựng, đường, thức ăn gia súc chuyển đến từ các đơn vị sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Lâm Đồng, Bình Thuận.

Cảng Long Bình Tân được chính thức chuyển đổi công năng từ khai thác hàng tổng hợp sang container kể từ cuối năm 2011. Đến năm 2015, sản lượng hàng tổng hợp thông qua cảng Long Bình Tân đạt 637 ngàn tấn, sản lượng hàng container đạt 336 ngàn teu.

Định hướng phát triển trong năm 2016, khu vực Cảng Long Bình Tân sẽ được tiếp tục đầu tư mở rộng hệ thống kho bãi, củng cố chất lượng dịch vụ và gia tăng hoạt động trong chuỗi cung ứng logistics.



Cảng Gò Dầu

Cảng Gò Dầu nằm trên sông Thị Vải cách Cảng Long Bình Tân khoảng 9 giờ vận chuyển bằng đường sà lan. Mớn nước cao nhất là 11m, Cảng Gò Dầu có khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải lên đến 30.000DWT. Hàng hóa thông qua cảng chủ yếu là than đá, nguyên vật liệu để sản xuất vật liệu xây dựng, phân bón và hóa chất. Điểm đến của các loại hàng hóa sau khi đưa lên tàu rời khỏi khu vực Gò Dầu là các cảng khu vực Châu Á như Hong Kong, Busan, Singapore.

Trong năm 2015, PDN đã khánh thành và đưa vào sử dụng bến tàu 30.000DWT tiếp nhận các loại tàu có trọng tải đến 30.000DWT để xếp dỡ hàng hóa, đáp ứng nhu cầu bốc xếp hàng hóa tại cầu cảng, phục vụ cho hoạt động của các đơn vị đang thuê mặt bằng tại cảng Gò Dầu, các cơ sở sản xuất thuộc khu công nghiệp Gò Dầu và các khu công nghiệp lân cận. Ngoài ra, Cảng còn thực hiện bốc xếp hàng hóa tại cầu cảng phục vụ cho hoạt động của nhà máy Alumin Tân Rai Lâm Đồng.



Trong năm 2015, sản lượng hàng tổng hợp thông qua Cảng Gò Dầu đạt 2.887.801 tấn. Đối với Cảng Đồng Nai, sự ra đời của bến tàu 30.000 DWT là bước chuẩn bị mang tính chiến lược nhằm đáp ứng được nhu cầu bốc xếp hàng hóa thông qua cảng Gò Dầu - khu B, đây cũng là bước đi phù hợp với quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển số 5 đã được phê duyệt (Cảng Gò Dầu khu B được qui hoạch cho tàu 15.000 đến 30.000DWT) và qui mô tuyến luồng tàu biển Vũng Tàu - Thị Vải đoạn tại khu vực Gò Dầu cho tàu trọng tải đến 30.000DWT.



Sau 26 năm hình thành và phát triển, với hai khu vực Cảng Long Bình Tân và Cảng Gò Dầu có vị trí chiến lược cả thủy và bộ, Cảng Đồng Nai đã nhanh chóng vươn lên trở thành đối tác chiến lược của nhiều hãng tàu và được biết đến là địa chỉ kết nối hiệu quả, tiết kiệm chi phí của khách hàng trong tỉnh Đồng Nai cũng như khu vực Đông Nam bộ. Hiện khách hàng, đối tác của Cảng Đồng Nai bao gồm nhiều thương hiệu lớn như: KMTC, APL, VINAFCO, MAERSK LINE, GEMADEPT, TPC VINA, TAICERA ...

Để bắt kịp tốc độ phát triển kinh tế nhanh của thị trường, Cảng Đồng Nai sẽ tiếp tục nâng cao năng lực vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa, hoàn thiện chuỗi cung ứng trọn gói nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng. Trong thời gian tới, Cảng Đồng Nai dự kiến tiếp tục đầu tư mở rộng hệ thống kho bãi (diện tích khoảng 5,5 ha) thuộc dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2B khu vực Long Bình Tân.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TOÀN CÔNG TY NĂM 2015

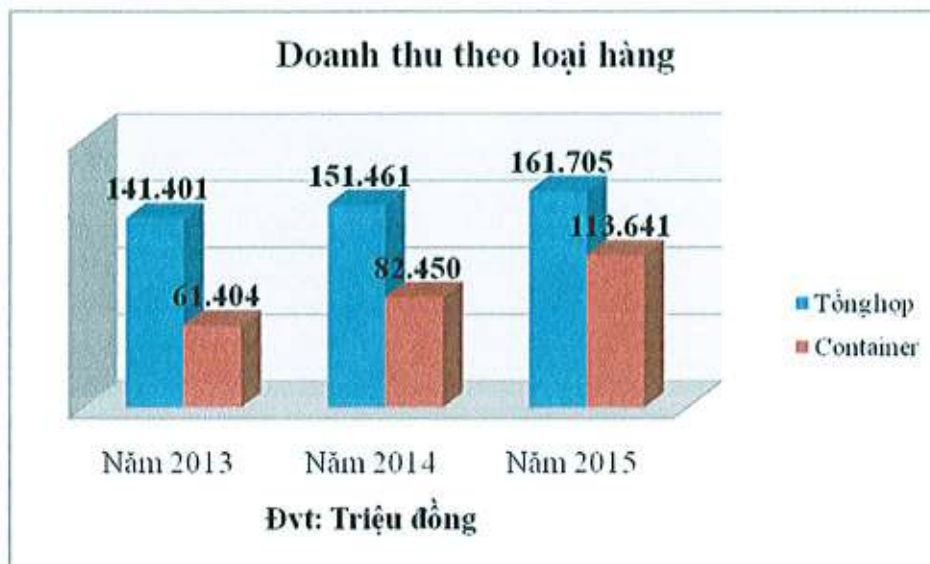
STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch giao	Kết quả đạt được	Tỷ lệ % So với kế hoạch	Tỷ lệ % So với cùng kỳ 2014
1	Sản lượng hàng tổng hợp	Tấn	3.550.000	3.524.071	99,27	101
2	Sản lượng hàng container	Teu	300.000	336.246	112	131
3	Tổng doanh thu	Tr đồng	290.000	336.745	116	123,31
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	52.000	54.010	103,87	107,33
5	Nộp ngân sách (số phải nộp)	Tr đồng	16.201	6.537	40,30	64,18
6	Tỷ suất lợi nhuận/vốn CSH 2015	%	24,73	25,69	103,9	94,07
7	Cổ tức dự kiến	%	17	17	100	100
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ/cp		4.128		107
9	Tổng vốn đầu tư XDCB	Tr đồng	150.000	161.921	108	174

Doanh thu

Trong năm 2015, tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh của công ty đạt 336,745 tỷ đồng, vượt 16% so kế hoạch đề ra, tăng trưởng 23,31% so với năm 2014. Các mảng kinh doanh của công ty đều có mức tăng trưởng cao, trong đó:

Doanh thu từ mảng khai thác hàng tổng hợp đạt 161.705 triệu đồng, tăng 8% so với năm 2014, chiếm 50% trong cơ cấu doanh thu.

Doanh thu từ mảng khai thác hàng container đạt 113.641 triệu đồng, tăng 38% so với năm 2014, chiếm 35% trong cơ cấu doanh thu. Đây là mảng kinh doanh được đưa vào hoạt động từ cuối năm 2011, cho đến nay đã đạt được thành công bước đầu với tốc độ tăng trưởng tốt.



Nhìn chung, mô hình kinh doanh khai thác của PDN còn mang tính truyền thống thuần túy, chưa tiếp cận được với nhu cầu trong chuỗi cung ứng của khách hàng. Bên cạnh đó, tốc độ đầu tư trang thiết bị chưa đáp ứng sự phát triển của thị trường. Cơ sở hạ tầng giao thông đang được đầu tư rút ngắn thời gian vận chuyển đường bộ từ các KCN ở Đồng Nai đến các Cảng nước sâu. Điều này làm giảm giá trị chuỗi vận chuyển bằng sà lan mà công ty đang cung cấp gây ảnh hưởng đến hoạt động của PDN.


Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế cả năm 2015 đạt 54.010 triệu đồng, vượt 3,9% so với kế hoạch và tăng trưởng 7,3% so với năm 2014.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên Hội đồng quản trị

	<p>ÔNG ĐỖ VĂN SÂM Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none">▪ 1982 – 1989 Cán bộ kỹ thuật Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai.▪ 1989 – 1996 Cán bộ kỹ thuật Cảng Đồng Nai.▪ 1997 – 2000 Trưởng phòng Kế hoạch-Kỹ thuật Cảng Đồng Nai.▪ 2000 – 2005 Phó Giám Đốc Cảng Đồng Nai.▪ 2006 – 6/2010 Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.▪ 7/2010 – Nay Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật và nội chính Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
	<p>BÀ NGUYỄN THỊ BẠCH MAI Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none">▪ 1987 – 1989 Kỹ sư Ban quản lý dự án Sở GTVT Đồng Nai.▪ 1989 – 1991 Cán bộ kỹ thuật Cảng Đồng Nai▪ 1991 – 1993 phụ trách phòng Kỹ thuật▪ 1993 – 12/1999 Phó Giám Đốc Cảng Đồng Nai.▪ 1/2000 – 11/2006 Phó Giám đốc Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai.▪ 11/2006 – 3/2008 Chuyên viên chính Văn phòng UBND Tỉnh ĐN.▪ 3/2008 – 9/2009 Phó ban Dự án Công ty Phát triển KCN Biên Hòa.▪ 10/2009 – 3/2010 Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.▪ 4/2010 – 6/2010 Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai

	<ul style="list-style-type: none"> 7/2010 – Nay Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai
	<p>ÔNG NGUYỄN NGỌC TUẤN Thành viên Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> 1995 – 1996 Nhân viên Điều độ Phân Cảng Gò Dầu – thuộc Cảng ĐN 1996 – 04/1998 Cán bộ phụ trách Thương vụ Cảng Đồng Nai. 04/1998 – 12/1998 Cán bộ phụ trách phòng thương vụ Cảng Đồng Nai. 12/1998 – 2000 Phó phòng thương vụ Cảng Đồng Nai. 2000 – 2005 Trưởng phòng khai thác thương vụ Cảng Đồng Nai. 2006 – 08/2007 Thành viên HĐQT, Trưởng phòng khai thác – Điều độ Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai. 09/2007 – 08/2009 Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai. 09/2009 – 2/2012 trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Khai thác container Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai. 3/2012 – Nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai
	<p>ÔNG PHAN TRỌNG DŨNG Thành viên Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> 06/1994 – 09/1995 Chuyên viên Quản lý Tài chính doanh nghiệp Sở tài chính Đồng Nai. 09/1995 – 10/1999 Phó phòng Nghiệp vụ I Cục quản lý Vốn – Tài sản Nhà Nước tại doanh nghiệp Đồng Nai. 10/1999 – 5/2004 Phó phòng Nghiệp vụ I Chi cục Tài chính doanh nghiệp Đồng Nai. 5/2004 – 2/2006 Phó phòng Kế hoạch tổng hợp Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai. 2/2006 – Nay Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Đồng Nai, Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Đồng Nai.

	<p>ÔNG HUỲNH NGỌC TUẤN</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 06/1995 – 09/2005: nhân viên kế toán, xuất nhập khẩu Công ty May Công nghiệp Đồng Nai ▪ 10/2005 – 11/2006 : nhân viên kế toán Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 12/2006 – 27/04/2011: Trưởng ban tài vụ Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 28/04/2011 – 10/2011: Thành viên HĐQT, Trưởng ban tài vụ Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 10/2011 – 12/2015: Thành viên HĐQT, Phó phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai ▪ 12/2015 – nay: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai
---	--

Thành viên Ban điều hành

Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật – nội chính
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Kế toán trưởng

Sự thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2015, HĐQT đã công bố thông tin Nghị Quyết số 42/2015/NQ-HĐQT ban hành ngày 23/12/2015 về việc Kế toán trưởng là bà Vòng Thị Thúy Phượng nghỉ hưu theo chế độ, do vậy HĐQT đã bổ nhiệm ông Huỳnh Ngọc Tuấn giữ chức vụ Kế toán trưởng theo Quyết định số 44/2015/QĐ-HĐQT ngày 24/12/2015.

Thành viên Ban kiểm soát



BÀ NGUYỄN THỊ HẠNH

Trưởng Ban Kiểm soát

- 11/1997-03/2001 Nhân viên kế toán Công ty Phát triển KCN Biên Hòa.
- 04/2001- 03/2004 Nhân viên kế toán Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển Bình Dương.
- 04/2004- 09/2004 Nhân viên kế toán Công ty Phát triển KCN BH
- 10/2004- 08/2005 Kế toán trưởng XN Phát triển Nhà Sonadezi – Công ty Phát triển KCN Biên hòa.
- 09/2005-12/2007 Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Phát triển KCN Biên hòa.
- 01/2008- 05/2009 Kế toán trưởng XN Dịch vụ KCN Sonadezi – Công ty Phát triển KCN Biên hòa.
- 06/2009 – 06/2010: Trưởng ban Kiểm soát Công ty Phát triển KCN Biên Hòa. Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- 07/2010 đến nay: Thành viên Hội đồng Thành viên Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai



ÔNG PHẠM VĂN HUY

Thành viên Ban Kiểm soát

- 1998 – 5/1999: Nhân viên Điều độ phân Cảng GDB tại Cảng Đồng Nai
- 6/1999 – 6/2000: Phụ trách ban điều độ phân Cảng Gò Dầu B tại Cảng Đồng Nai
- 7/2000 – 12/2005: Trưởng ban Điều độ nay là Ban khai thác Điều độ Cảng Gò Dầu B tại Cảng Đồng Nai
- 12/2005 – 7/2009: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng ban Khai thác Điều độ Cảng Gò Dầu B tại Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai
- 8/2009 – 09/2010: Thành viên Ban kiểm soát, Phó Giám đốc kiêm Trưởng ban Khai thác Điều độ Cảng Gò Dầu B tại Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai

	<ul style="list-style-type: none"> ▪ 10/2010 – 2/2012: thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng kinh doanh Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai. ▪ 3/2012 –: 10/2012: thành viên Ban kiểm soát, phụ trách phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai. ▪ 11/2012- Nay: thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Cảng Long Bình Tân
	<p>BÀ HOÀNG THỊ THU THỦY Thành viên Ban Kiểm soát</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 08/1999 – 4/2004: Chuyên viên phòng Nghiệp vụ 3 chi cục tài chính doanh nghiệp ▪ 05/2004 – 2011: Chuyên viên phòng kế toán Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai ▪ Từ tháng 4/2011: Thành viên Ban kiểm soát PDN ▪ 2012 – Nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, Trưởng phòng Hành chính – Tổ chức Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai

Số lượng cán bộ nhân viên

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2015, tổng số lao động của Công ty là 246 người, phân theo cơ cấu như sau:

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ %
A	Theo trình độ	246	100
1	Trên đại học	9	3,65
2	Đại học	115	46,7
3	Cao đẳng	12	4,90
4	Khác	110	44,75
B	Phân theo hợp đồng lao động	246	100
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	79	32
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	167	68
3	Hợp đồng theo thời vụ	-	-

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người)

STT	Năm	Mức lương bình quân
1	2011	12.158.000
2	2012	12.928.000
3	2013	13.010.000
4	2014	13.168.000
5	2015	14.110.000

Chính sách đối với người lao động

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, yếu tố con người luôn được Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai chú trọng đầu tư. Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức thu nhập hấp dẫn, Công ty luôn tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo nhằm khai thác tối đa năng lực của CB-CNV góp phần vào sự thành công của Công ty.

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về chế độ, chính sách đối với người lao động như: Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, chế độ nghỉ phép, chế độ nghỉ dưỡng sức – phục hồi sức khỏe... Ngoài ra, Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai còn áp dụng một số chế độ, chính sách riêng nhằm thu hút, thúc đẩy và tạo sự gắn bó lâu dài của Người lao động với Công ty như: Chế độ trợ cấp khó khăn thường xuyên và đột xuất, chế độ du lịch, thăm quan, nghỉ mát, chế độ khám sức khỏe định kỳ...

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật lao động và các quy định của pháp luật.

Về môi trường làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế thoáng mát, môi trường thân thiện, lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách lương thưởng, phụ cấp phúc lợi cho người lao động

Chính sách lương thưởng

Sự thành công của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai luôn gắn liền với các yếu tố con người. Do đó, lương thưởng cho CB-CNV luôn là mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo công ty. Công ty xây dựng quy chế trả lương dựa trên mức độ phức tạp, đóng góp của từng vị trí công việc đảm tính công bằng và khuyến khích người lao động phát huy hết

năng lực bản thân, bảo đảm trả lương cho người lao động đầy đủ và đúng hạn. Chính sách lương thưởng phù hợp và hấp dẫn đủ để giữ chân các cán bộ chủ chốt, người lao động của Công ty cũng như thu hút người tài.

Chính sách phụ cấp, phúc lợi

Ngoài tiền lương và thưởng, Người lao động ở Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vào vị trí công tác, năng lực làm việc, mức độ đóng góp của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty.

Các chính sách về phúc lợi cho người lao động:

- Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 & ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 (nhân viên nữ)
- Quốc tế thiếu nhi 1/6 (con nhân viên dưới 16 tuổi)
- Sinh nhật nhân viên
- Nhân viên khi kết hôn hợp lệ
- Người thân (cha/mẹ ruột, cha/mẹ vợ/chồng, vợ/chồng, con cái) của nhân viên khi qua đời
- Nghỉ mát hàng năm cho nhân viên
- Hỗ trợ nhiên liệu đi lại

Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, ngày gia đình để CB-CNV có cơ hội giao lưu và trau dồi thể chất.

Chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực

Với mức thu nhập ổn định, nhiều cơ hội thăng tiến, môi trường làm việc tốt, chính sách về lao động đào tạo nguồn nhân lực luôn được ban lãnh đạo chú trọng quan tâm nên công ty luôn nhận được sự gắn bó và cống hiến hết mình của toàn thể CB-CNV. Bên cạnh đó, với các chính sách phù hợp này Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai cũng là nơi thu hút được sự quan tâm của các nguồn nhân lực bên ngoài.

Chính sách lương thưởng cho cán bộ nhân viên dự kiến năm 2016

Kể từ năm 2015 Công ty đã thay đổi và áp dụng cơ chế trả lương xác định tính chất, trách nhiệm và mức độ đóng góp của từng vị trí công việc, công bằng, hấp dẫn và cạnh tranh so với thị trường lao động. Chính sách tiền lương, thưởng dựa vào KPI của từng cá nhân và BSC gắn liền Công ty/Phòng/Ban nhằm phát huy tối đa sự đóng góp của nhân viên vào mục tiêu hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2016 và những năm tiếp theo.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Khu vực Long Bình Tân

Trong năm 2015 Công ty triển khai thực hiện các dự án như:

1. Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 1 (3ha): chính thức đưa vào hoạt động kể từ tháng 8/2012. Trong năm 2015 Công ty đầu tư hệ thống điện động lực cấp cho cầu, lắp đặt cầu Macgregor trên bến tàu 3.000DWT.
2. Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2A (9,18ha): Trong năm 2015 hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, đầu tư xây dựng đường bãi, nhà kho, kè bảo vệ bờ, các công trình hạ tầng kỹ thuật.
3. Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2B (5,53ha)
4. Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 3



Khu vực Gò Dầu

1. Dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2
2. Dự án giai đoạn 1 Cảng Gò Dầu B
3. Dự án Cảng tổng hợp Gò Dầu

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu chính	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Thay đổi
Kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	270.101	322.426	19%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	99.889	107.954	8,07%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	47.631	50.979	7,03%
Tài sản				
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	116.385	114.544	-1,58%
Tài sản cố định	Tỷ đồng	211.721	368.420	74%
Đầu tư dài hạn	Tỷ đồng	22.165	22.165	0%
Nguồn vốn				
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	180.823	308.811	70,78%
Tổng vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	313.039	334.949	7%
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	47.373	104.209	120%
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	Tỷ đồng	-95.882	-179.264	-
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	80.544	75.135	93,28%
Lưu chuyển tiền thuần	Tỷ đồng	32.035	80	-
Khả năng thanh toán				
Tỷ số thanh toán hiện hành	Lần	1,51	0,91	-
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	1,50	0,90	-
Khả năng thanh toán lãi vay	Lần	9,39	6,64	-
Hiệu quả hoạt động				
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	50	50	-
Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	44	56	-
Vòng quay tài sản	Lần	0,62	0,6	-
Khả năng sinh lời				
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế	%	17,6%	15,81	-
ROA	%	11,0%	9,0	-
ROE	%	16,1%	15,73	-
Đòn bẩy	Lần	1,46	1,9	-

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phần: 12.347.987 CP

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Không

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 12.347.987 CP

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng CP sở hữu		Tỷ lệ sở hữu CP
		Tự do chuyển nhượng	Tổng cộng	
I	Cổ đông nhà nước	6.297.480	6.297.480	51%
II	Cổ đông nội bộ	193.750	193.750	1,567%
III	Cổ đông trong nước	5.643.402	5.643.402	45,70%
	<i>Cá nhân</i>	2.202.212	2.202.212	17,83%
	<i>Tổ chức</i>	3.441.190	3.441.190	27,87%
IV	Cổ đông nước ngoài	213.355	213.355	1,73%
	<i>Cá nhân</i>	51.005	51.005	0,42%
	<i>Tổ chức</i>	162.350	162.350	1,31%
	Tổng cộng	12.347.987	12.347.987	100%

Nguồn số liệu: Căn cứ Danh sách cổ đông chốt ngày 29/01/2016

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

PHẦN III

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Cải tiến về hoạt động kinh doanh, cơ cấu, tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải pháp thực hiện



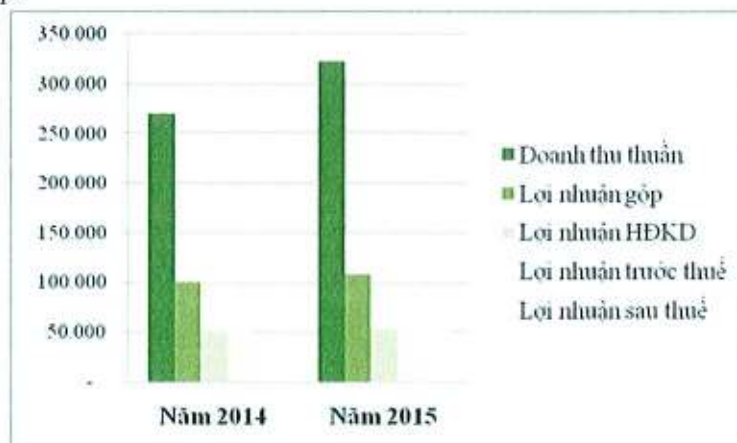
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2015, tình hình chung của nền kinh tế đã có những dấu hiệu khởi sắc, nhu cầu luân chuyển hàng hóa trong và ngoài nước có sự tăng trưởng so với năm 2014. Tận dụng những thuận lợi vĩ mô cũng như lợi thế về vị trí địa lý và kinh nghiệm trong ngành, Ban lãnh đạo và toàn thể CB-CNV Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch và các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh đều tăng trưởng tốt.

Sản lượng hàng tổng hợp và container thông qua cảng lần lượt là 3.783 ngàn tấn, tăng 5% và 336.246 teus, tăng 31% so cùng kỳ. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 322.426 triệu đồng, tăng trưởng mạnh 19,37% so cùng kỳ 2014. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế đạt 50.979 triệu đồng, tăng 7,03%, thấp hơn so với mức tăng trưởng trong doanh thu do Công ty đang trong giai đoạn mở rộng CSHT và hoạt động SXKD dẫn đến gia tăng các chi phí bán hàng, chi phí tài chính và các chi phí thuê ngoài.

Về mặt thuận lợi, thương hiệu Cảng Đồng Nai đã từ lâu xây dựng được hình ảnh chuyên nghiệp và đáng tin cậy đối với khách hàng, điều này tạo ra thị phần chiếm ưu thế và ổn định trong khu vực. Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ từ các cảng biển khu vực phía Nam trong Hiệp Hội Cảng Biển Việt Nam nhằm kết nối với các cảng nước sâu khu vực Thị Vải trung chuyển hàng hóa bằng sà lan. Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở hạ tầng đường xá từ các khu công nghiệp dẫn đến Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai liên tục được hoàn thiện và nâng cấp, hàng hóa được luân chuyển dễ dàng từ Công ty đến các khu công nghiệp và ngược lại.

Tuy nhiên Công ty hiện tại vẫn đang gặp khó khăn trong việc huy động vốn để thực hiện các dự án tại khu vực Cảng Long Bình Tân và Cảng Gò Dầu. Đồng thời mức độ cạnh tranh đối với ngành hàng tổng hợp cảng gia tăng khi hệ thống cảng nước sâu tại khu vực Thị Vải – Cái Mép dự thừa công năng dẫn đến chuyển đổi từ khai thác hàng container sang hàng tổng hợp.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Cuối năm 2015, giá trị tổng tài sản của Công ty là 643.760 triệu đồng, tăng mạnh 30,35% so với năm 2014. Trong đó, tài sản ngắn hạn có giá trị 114.544 triệu đồng, chiếm 17,79% trong cơ cấu tài sản. Các khoản tiền và tương đương tiền chiếm tỷ trọng 8,9% trong tổng tài sản, tăng 0,23% so với năm 2014. Các khoản phải thu khách hàng trung bình tăng 7,11% so với năm 2014 do hoạt động kinh doanh của Công ty mở rộng mạnh mẽ. Cuối kỳ các khoản này chiếm tỷ trọng 7,26% trong tổng tài sản. Do đặc thù của hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ, giá trị hàng tồn kho của Công ty luôn nằm ở mức rất thấp, chiếm 0,07% trong tổng tài sản.

Giá trị tài sản dài hạn cuối năm là 529.216 triệu đồng tăng 40,2% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 82,21% trong tổng tài sản, trong đó phần lớn là tài sản cố định chiếm 57,23%. Trong kỳ, chi phí xây dựng cơ bản dở dang gia tăng 0,33% do hoạt động đầu tư các dự án của Công ty.

Tình hình nguồn vốn

Năm 2015 là năm Công ty đẩy mạnh đầu tư vào các dự án lớn mở rộng và nâng cấp hệ thống cầu cảng, kho bãi. Nguồn vốn được Công ty ưu tiên sử dụng trong thời điểm hiện tại là vốn vay từ bên ngoài do mức độ đòn bẩy tài chính các năm trước ở mức thấp. Tổng giá trị vay nợ ngắn hạn và dài hạn là 241.330 triệu đồng, tăng 66,4% và chiếm tỷ trọng 37,49% trong cơ cấu nguồn vốn.

Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tăng trưởng 7% so cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 7,03% so cùng kỳ do kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt từ hoạt động kinh doanh.

CẢI TIẾN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Chiến lược đối với nguồn cung cấp

Mở rộng nhà thầu cung cấp dịch vụ vận tải thủy bộ nhằm tạo ra sự linh hoạt, chủ động trong việc cung cấp dịch vụ vận tải thủy bộ cho khách hàng. Đồng thời, gia tăng khả năng thương lượng chi phí với nhà cung cấp dịch vụ.

Liên kết và mở rộng chuỗi dịch vụ với các đơn vị có thế mạnh về vận tải nhằm khai thác thêm thị trường không phải thế mạnh của PDN. Trong thời gian ngắn hạn, đáp ứng kịp thời và linh hoạt các nhu cầu của khách hàng, mở rộng thị trường hoạt động. Về mặt dài hạn, chiến lược này sẽ gia tăng sự nhận biết thương hiệu PDN trong nhận thức của khách hàng, tích lũy kinh nghiệm, tạo tiền đề để Công ty phát triển thành một nhà cung cấp dịch vụ logistics toàn diện và chuẩn mực.

Phát triển thêm các nhà cung cấp dịch vụ và công nhân xếp dỡ để đa dạng hóa và đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng được thông suốt và hiệu quả. Đầu tư thêm các thiết bị xếp dỡ chủ lực nhằm nâng cao năng suất và an toàn lao động. Chủ động khai thác tối đa cơ sở hạ tầng trong Công ty.

Cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Công ty xây dựng mô hình quản lý tập trung theo các Khối, thực hiện chiến lược của Công ty theo BSC giao cho các Khối/Phòng/Ban theo từng mục tiêu của Khối/Phòng/Ban và KPI từng cá nhân để thực hiện chiến lược phát triển của Công ty.

Chiến lược kinh doanh

Gia tăng năng lực cạnh tranh thông qua việc cải thiện những mặt hạn chế trong dịch vụ khách hàng, kéo dài và hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ logistics.

Thực hiện chiến lược mở rộng liên kết và thuê ngoài những dịch vụ không phải là thế mạnh nhằm gia tăng chất lượng cung cấp dịch vụ, tiết kiệm chi phí đối với những dịch vụ không phải là thế mạnh của Công ty, và linh hoạt mở rộng các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Mở rộng, phát triển sản phẩm mới, thị trường mới

Mở rộng, phát triển đa dạng hóa các sản phẩm logistics và hoàn thiện chuỗi cung cấp dịch vụ. Đầu tư xây dựng hệ thống kho CFS và kho ngoại quan tại khu vực Long Bình Tân và Gò Dầu.

Tập trung khai thác tiềm năng của các thị trường tại Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Dương và phía Bắc Tp.HCM.

Đẩy mạnh quảng bá hình ảnh thương hiệu

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện nhiều hình thức quảng bá thương hiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Quảng cáo trên các tạp chí, trang web của các hiệp hội trong ngành logistics.

Tài trợ cho các chương trình phát sóng trong tỉnh.

Ngoài ra, Công ty CP Cảng Đồng Nai cũng tham gia nhiều chương trình xã hội nhằm chia sẻ khó khăn, động viên tinh thần hiếu học của các em học sinh nghèo vùng sâu vùng xa, xây dựng nhà tình thương...

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Năm 2016 Công ty xây dựng kế hoạch từ khảo sát, đánh giá về tăng trưởng nhu cầu luân chuyển hàng hóa trong năm. Đồng thời, kế hoạch cũng dựa trên sự cân đối khả năng đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng bến cảng, kho bãi và đa dạng hóa các dịch vụ logistics.

Việc xem xét tổng hợp các yếu tố thuận lợi và khó khăn cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và xem xét tính khả thi của kế hoạch năm 2016. Về mặt thuận lợi, Công ty tận dụng những lợi thế về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên về luồng lạch, lượng khách hàng lớn và ổn định qua nhiều năm. Ban lãnh đạo và đội ngũ CB-CNV luôn nỗ lực lao động theo tư duy đổi mới, năng động và có kinh nghiệm lâu năm trong ngành.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Giải pháp trong hoạt động kinh doanh

Tiến hành tổng hợp dữ liệu, đánh giá, phân tích nhu cầu khách hàng. Từ đó, xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng phù hợp trong từng phân khúc và áp dụng chính sách giá theo phân khúc tương ứng. Áp dụng chính sách thưởng phạt với hợp đồng nhà thầu phụ và hợp đồng xếp dỡ với khách hàng.

Gia tăng khai thác sản lượng đối với các hãng tàu.

Tận dụng tất cả các nguồn lực bên trong và bên ngoài để mở rộng thị trường. Kết hợp hoạt động với các hiệp hội, công ty forwarder và các công ty vận tải để gia tăng khả năng mở rộng khách hàng mới. Công ty cũng đẩy mạnh hoạt động mở rộng thị trường bằng hình ảnh thương hiệu uy tín PDN, phát triển dịch vụ bán cước vận tải biển nội địa và quốc tế.

Tiếp tục phát triển mạng kinh doanh ngành hàng container cho khu vực Long Bình Tân bằng việc tìm kiếm nguồn hàng hóa từ các khách hàng tiềm năng trong khu vực. Đối với mạng dịch vụ mới, chuỗi dịch vụ Kho vận logistics tăng cường giới thiệu và quảng bá đến các đối tượng có nhu cầu.

Trong công tác điều hành nhân sự bán hàng và sản xuất xây dựng chính sách hoa hồng và chính sách môi giới cạnh tranh nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Giải pháp trong hoạt động sản xuất

Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ đối với ngành hàng container thông qua việc đào tạo cán bộ tác nghiệp, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Tăng năng suất tác nghiệp cả hàng hóa tổng hợp và hàng container , phấn đấu vượt kế hoạch đề ra.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm, xây dựng thái độ sẵn sàng phục vụ khách hàng và giải đáp các thông tin khi khách hàng có nhu cầu, chấn chỉnh tác phong và mức độ tuân thủ nội quy của công nhân và nhân viên.

Tăng cường năng lực điều phối của cấp quản lý trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến khách hàng, nhà thầu cũng như các vấn đề nảy sinh khác trong khu vực sản xuất.

Bố trí hợp lý các thiết bị sản xuất nhằm gia tăng hiệu quả khai thác tài sản của Công ty.

PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015, nền kinh tế trong nước và quốc tế có nhiều dấu hiệu phục hồi tích cực hơn. Tuy nhiên tốc độ cải thiện trong nền kinh tế Việt Nam vẫn còn chậm. Đối với Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, Ban lãnh đạo cùng đội ngũ CB-CNV đã cùng nhau nỗ lực phấn đấu, cải tiến chính sách quản lý, chính sách bán hàng và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2015 đã đạt được kết quả khả quan.

- ✓ Sản lượng khai thác hàng tổng hợp: 3.524.071 tấn, tăng 101% so cùng kỳ 2014
- ✓ Sản lượng khai thác hàng container: 336.246 Teus, tăng 131% so cùng kỳ 2014
- ✓ Tổng sản lượng quy đổi toàn công ty: 6.859.614 tấn, tăng 121% so cùng kỳ 2014
- ✓ Tổng doanh thu: 336.745 triệu đồng, tăng 123% so cùng kỳ 2014
- ✓ Lợi nhuận trước thuế: 54.010 triệu đồng, tăng 107% so cùng kỳ 2014

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Dựa trên kế hoạch đề ra và được phê duyệt, tổng mức chi phí đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty tại thời điểm cuối năm 2015 là 161.921 triệu đồng. Trong đó, các hạng mục đầu tư lớn như:

Tại Gò Dầu

- ☞ Đầu tư bến tàu 30.000DWT
- ☞ Hoàn thành 9,32 ha bãi
- ☞ Sửa chữa bến 15.000DWT (bến B3) và hoàn thành cầu dẫn ra bến B3

Tại Long Bình Tân

- ☞ Hoàn thành kho 5.000m²
- ☞ Hoàn thành bãi container 3,0ha
- ☞ Bến tàu 3.000DWT cùng thiết bị cầu

Hoạt động tài chính

Trong năm 2015, bộ phận tài chính kế toán đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và chức năng của đơn vị mình được thể hiện trong hầu hết các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đối với công tác quản lý nguồn vốn luân chuyển, tình hình công nợ luôn được chú trọng theo dõi sát sao nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng dòng tiền và quản trị rủi ro, thực hiện trích lập dự phòng các khoản phải thu theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với công tác hoạch định đầu tư, các dự án đầu tư lớn trong năm đều được tính toán kỹ lưỡng nhằm đảm bảo cân đối giữa tính hiệu quả của dự án và chi phí sử dụng vốn. Đảm bảo dòng tiền khả dụng kịp thời theo tiến độ xây dựng của dự án. Phối hợp, hỗ trợ trong công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Công tác tổ chức và nhân sự

Công tác tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm sự hợp lý, đảm bảo đúng người đúng việc, tạo ra hiệu quả công việc cao.

Thực hiện nhiều chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài. Các chính sách trả lương, thưởng đảm bảo theo đúng quy chế, tạo ra động lực phấn đấu cho từng cá nhân, đồng thời xây dựng cơ chế đánh giá KPI riêng cho Ban lãnh đạo và toàn thể CB-CNV.

Xây dựng môi trường làm việc năng động, khoa học cùng với chính sách đào tạo phát triển nguồn nhân lực liên tục nhằm khai thác tối đa năng lực của từng CB-CNV.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2015, nền kinh tế trong và ngoài nước dần hồi phục tốt hơn, và ngành khai thác cảng được xem là ngành hỗ trợ cho hoạt động luân chuyển hàng hóa. Do vậy, đi kèm với sự phát triển của kinh tế sẽ là cơ hội kéo theo sự phát triển của ngành. Ban Tổng giám đốc trong năm đã thể hiện được năng lực tốt, thực hiện các giải pháp kịp thời, đồng bộ, linh hoạt giúp Công ty duy trì hoạt động an toàn, ổn định và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Hội đồng quản trị ghi nhận Ban Tổng giám đốc đã có sự chuẩn bị chu đáo phương án ứng phó trước những biến động khó lường trên thị trường nói chung và những khó khăn đặc thù của ngành nói riêng. Ban Tổng giám đốc đã nắm bắt kịp thời những chuyển biến về kinh tế vĩ mô, sự biến động về giá, kịp thời đưa ra những quyết sách, tạo động lực cho tập thể CB-CNV cùng chung sức, đoàn kết, nhất trí đưa Công ty vượt qua mọi khó khăn. Đây là sự thành công của Công ty trong năm vừa qua, trong đó có sự đóng góp đáng ghi nhận của Ban Tổng giám đốc.

Ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm Ban Tổng giám đốc còn chú trọng công tác xây dựng và duy trì hiệu quả hệ thống quản trị và các chương trình văn hóa trong Công ty.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016

Hiện tại Công ty đã xây dựng hoàn tất và áp dụng quy trình lập kế hoạch ngân sách để kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, dự báo các vấn đề phát sinh và tìm ra các giải pháp dự phòng một cách chủ động. Ngoài ra, kế hoạch này còn giúp Công ty chủ động hoạch định nguồn lực tài chính, nhân lực, đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển.

Toàn Công ty được phân chia thành các cụm chi phí và doanh thu để phân trách nhiệm cụ thể cho các phòng ban.

Thiết lập cây thư mục sản phẩm theo 4 ngành hàng chủ lực: Tổng hợp, Container, Bãi, Kho vận.

Quy trình các phòng ban cũng được hệ thống hóa và kiểm soát chặt chẽ.

Thực hiện công tác tự kiểm soát, kiểm soát nội bộ và giám sát chặt chẽ tại các khu vực, đảm bảo công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường được thực hiện nghiêm túc.

Kế hoạch năm 2016:

Doanh thu: 352 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN: 49,5 tỷ đồng

PHẢI V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BDH và BKS

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

Các thành viên HĐQT tại Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT, 01 Phó Chủ tịch và 03 thành viên. Có 4 thành viên tham gia quản lý điều hành và 01 thành viên HĐQT độc lập. Số lượng nắm giữ cổ phần đến ngày 31/12/2015 như sau:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện Sở hữu	CP Nắm giữ	Tổng Cộng	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông Đỗ Văn Sâm	Chủ tịch HĐQT	1.234.798	57.216	1.292.014	10,46	Điều hành
2	Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Phó Chủ tịch HĐQT	2.593.086	18.279	2.611.365	21,148	Điều hành
3	Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	1.234.798	2.520	1.237.318	10,02	Điều hành
4	Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	-	56.280	56.280	0,456	Điều hành
5	Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT	462.504	-	462.504	3,75	Độc lập

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, trong năm 2015 HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT và ban hành 11 Nghị quyết và Quyết định như sau:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung chính
1	03/2015/NQ-HĐQT	22/01/2015	- Nghị quyết tạm ứng 10% cổ tức lần 1 năm 2014
2	07/2015/NQ-HĐQT	04/02/2015	- Thời gian tổ chức ĐHĐCĐ 2015; Thực hiện các thủ tục cần thiết tổ chức Đại hội
3	14/2015/NQ-HĐQT	20/03/2015	- Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015
4	15/2015/QĐ-HĐQT	24/03/2015	- Quyết định phê duyệt quỹ lương của người lao động và ban điều hành năm 2014
5	16/2015/QĐ-HĐQT	24/03/2015	- Quyết định phê duyệt quỹ lương của người lao động và ban điều hành năm 2015
6	18/2015/NQ-HĐQT	27/05/2015	- Nghị quyết trả 7% cổ tức lần 2 năm 2014
7	28/2015/NQ-HĐQT	14/07/2015	- Nghị quyết tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Ngọc Tuấn và lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2015
8	29/2015/QĐ-HĐQT	16/07/2015	- Quyết định tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Ngọc Tuấn
9	42/2015/NQ-HĐQT	23/12/2015	- Nghị quyết miễn/bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng
10	43/2015/QĐ-HĐQT	24/12/2015	- Quyết định miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với Bà Vòng Thị Thúy Phượng
11	44/2015/QĐ-HĐQT	24/12/2015	- Quyết định bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với Ông Huỳnh Ngọc Tuấn

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên HĐQT độc lập, không trực tiếp điều hành đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT. Thành viên độc lập biểu quyết dựa trên việc cân bằng lợi ích giữa các nhóm cổ đông Công ty, lợi ích của Nhà nước và của người

lao động, phụ trách công tác đối ngoại, kiểm tra, thanh tra hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai và đầu tư tài chính. Điều này giúp hoạt động của Công ty luôn hiệu quả và minh bạch.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên HĐQT kiêm nhiệm các công việc và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của HĐQT.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đỗ Văn Sâm	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT
5	Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện Sở hữu	CP Năm giữ	Tổng Cộng	Tỷ lệ %
1	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng BKS	1.234.798	150	1.234.948	10,001
2	Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên BKS	-	-	-	-
3	Ông Phạm Văn Huy	Thành viên BKS	-	54.168	54.168	0,439

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm, Ban kiểm soát tiến hành kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá việc quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nhận xét và đánh giá của Ban kiểm soát

- Công ty thực hiện chế độ lập, gửi báo cáo và chấp hành nghĩa vụ đối với Nhà nước đầy đủ và kịp thời.
- Hạch toán kế toán rõ ràng; sắp xếp lưu trữ chứng từ hợp lý, thuận tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu.
- Sổ sách kế toán mở đầy đủ theo quy định.
- Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên được thông qua tại Đại hội.
- Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện đầy đủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và được cung cấp tất cả các nội dung liên quan theo yêu cầu.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BĐH VÀ BKS

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10/04/2015 đã thống nhất mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT là 1% lợi nhuận sau thuế.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan

Tên cổ đông	Chức vụ/liên quan	Giao dịch (Mua/bán)	Số lượng CP đã giao dịch
Bà Lê Thị Phương Thảo	Vợ ông Nguyễn Ngọc Tuấn – TV.HĐQT	Bán	10.060

Ông Nguyễn Long Huy	Con Bà Nguyễn Thị Bạch Mai – Phó Chủ tịch HĐQT	Mua	15.930
Ông Nguyễn Long Hưng	Con Bà Nguyễn Thị Bạch Mai – Phó Chủ tịch HĐQT	Mua	20.000
Bà Vòng Thị Thúy Mai	Em Bà Vòng Thị Thúy Phượng – Kế toán trưởng	Bán	69.504

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

Thay đổi danh sách về người có liên quan trong Công ty

Căn cứ Quyết định số 43/2015/QĐ-HĐQT, kể từ ngày 24/12/2015 miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với Bà Vòng Thị Thúy Phượng do nghỉ hưu theo chế độ của Nhà nước. HĐQT bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với Ông Huỳnh Ngọc Tuấn kể từ ngày 24/12/2015 thông qua Quyết định số 43/2015/QĐ-HĐQT.

PHẦN VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2015





CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 33



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24/08/2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4703000301 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn pháp định là 6.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 123.479.870.000 VND.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Đỗ Văn Sâm	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Huy	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ BẠCH MAI

Số: 16.115/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 01 năm 2016 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toán phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 09 tháng 03 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0544-2013-026-1

33
NG
P
A
ON
H

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		114.544.189.715	116.384.772.359
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		57.423.882.727	57.292.526.422
1. Tiền	111	(5.1)	15.849.779.513	9.786.460.961
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.574.103.214	47.506.065.461
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.086.413.889	55.001.201.055
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	46.715.715.626	43.616.500.410
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.496.772.346	9.468.536.263
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	3.532.898.185	5.335.800.010
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.5)	(3.658.972.268)	(3.419.635.628)
IV. Hàng tồn kho	140		474.210.272	321.406.818
1. Hàng tồn kho	141	(5.6)	474.210.272	321.406.818
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.559.682.827	3.769.638.064
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.10)	117.513.616	160.429.678
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.442.169.211	3.595.709.309
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	13.499.077
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		529.215.985.971	377.477.598.543
II. Tài sản cố định	220		368.419.720.225	211.721.051.069
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.8)	368.051.074.087	211.439.253.856
- Nguyên giá	222		538.229.889.056	358.348.277.865
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(170.178.814.969)	(146.909.024.009)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.9)	368.646.138	281.797.213
- Nguyên giá	228		2.608.063.207	2.359.063.207
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.239.417.069)	(2.077.265.994)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	(5.7)	122.967.013.269	122.563.147.636
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		122.967.013.269	122.563.147.636
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)	22.165.000.000	22.165.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.165.000.000	15.165.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.000.000.000	7.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.664.252.477	21.028.399.838
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.10)	15.664.252.477	21.028.399.838
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		643.760.175.686	493.862.370.902

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		308.811.270.298	180.823.277.193
I. Nợ ngắn hạn	310		126.287.203.463	79.255.674.118
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.12)	45.979.175.817	20.558.022.257
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.093.379.266	24.999.712
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.13)	1.263.773.067	374.474.075
4. Phải trả người lao động	314		7.839.768.373	10.631.716.863
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.14)	1.757.870.233	377.526.725
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	(5.16)	1.486.111.280	2.009.693.701
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.15)	1.820.099.015	2.074.139.685
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.11)	58.805.901.794	43.485.885.572
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.241.124.618	(280.784.473)
II. Nợ dài hạn	330		182.524.066.835	101.567.603.075
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	24.057.351
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.11)	182.524.066.835	101.543.545.724
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(5.17)	334.948.905.388	313.039.093.710
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.17.1)	334.948.905.388	313.039.093.710
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.17.2)	123.479.870.000	123.479.870.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.479.870.000	123.479.870.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.434.806.545	74.434.806.545
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	(5.17.7)	103.270.951.688	60.754.975.893
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	(5.17.7)	5.823.245.177	4.016.866.105
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.940.031.978	50.352.575.167
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.116.862.910	50.352.575.167
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.823.169.068	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		643.760.175.686	493.862.370.902

NGƯỜI LẬP BIỂU



VŨ THỊ QUỲNH TRANG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH NGỌC TUẤN

Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ BẠCH MAI

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	322.426.198.412	270.101.377.039
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		322.426.198.412	270.101.377.039
3. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	214.471.703.871	170.212.675.682
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		107.954.494.541	99.888.701.357
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	3.452.019.210	2.405.469.599
6. Chi phí tài chính	22	(6.4)	9.602.267.184	5.717.316.669
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.572.733.069</i>	<i>5.716.758.064</i>
7. Chi phí bán hàng	25	(6.5)	13.132.736.803	12.895.433.693
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.6)	35.947.547.204	33.339.646.019
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.723.962.560	50.341.774.575
10. Thu nhập khác	31	(6.7)	10.866.793.877	588.910.705
11. Chi phí khác	32	(6.8)	9.580.452.837	608.281.571
12. Lợi nhuận khác	40		1.286.341.040	(19.370.866)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		54.010.303.600	50.322.403.709
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.10)	3.031.802.964	2.691.222.905
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		50.978.500.636	47.631.180.804
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.17.5)	3.872	3.480
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.17.5)	3.872	3.480

NGƯỜI LẬP BIỂU

VŨ THỊ QUỲNH TRANG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HUỲNH NGỌC TUẤN

Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ BẠCH MAI

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		54.010.303.600	50.322.403.709
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		23.663.597.035	20.412.821.694
Các khoản dự phòng	03		239.336.640	484.060.316
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(51.198.048)	(13.687.115)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.406.645.162)	(2.780.928.190)
Chi phí lãi vay	06		9.572.733.069	5.716.758.064
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		84.028.127.134	74.141.428.478
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.397.332.262	(17.032.207.846)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(152.803.454)	(220.022.725)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		29.033.804.137	3.045.104.975
Tăng giảm chi phí trả trước	12		5.407.063.423	1.366.976.219
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.572.733.069)	(5.698.416.026)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.376.365.608)	(2.968.942.643)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.555.201.967)	(5.260.888.481)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		104.209.222.858	47.373.031.951
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(184.489.826.635)	(99.903.654.390)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		18.700.000	450.000.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.200.000.000	1.899.450.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.007.084.051	1.671.785.262
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(179.264.042.584)	(95.882.419.128)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(7.1)	251.598.580.532	248.286.187.662
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.2)	(155.298.043.199)	(149.616.680.947)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(21.165.559.350)	(18.125.320.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		75.134.977.983	80.544.186.585
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		80.158.257	32.034.799.408
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		57.292.526.422	25.244.039.899
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		51.198.048	13.687.115
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		57.423.882.727	57.292.526.422

NGƯỜI LẬP BIỂU

VŨ THỊ QUỲNH TRANG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HUỲNH NGỌC TUẤN

Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC
CỔ PHẦN
CẢNG
ĐỒNG NAI
TP. BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

NGUYỄN THỊ BẠCH MAI

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24/08/2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4703000301 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Vốn pháp định là 6.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 123.479.870.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Cuối năm		Đầu năm		VND
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	Việt Nam	62.974.800.000	51%	62.974.800.000	51%	
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn	Việt Nam	24.671.510.000	20%	24.671.510.000	20%	
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Tỉnh Đồng Nai	Việt Nam	4.625.040.000	4%	4.625.040.000	4%	
Các cổ đông khác	Việt Nam	31.208.520.000	25%	31.208.520.000	25%	
Cộng		123.479.870.000	100%	123.479.870.000	100%	

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 246 nhân viên (31/12/2014: 241 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ cảng biển.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá (Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong khí ngoại quan, kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho lạnh (trừ kho ngoại quan), kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho khác).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan).
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại ngũ cốc khác, bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)).
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi).
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi).
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Vận tải hàng hóa đường sắt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Cảng Gò Dầu A, Khu Công Nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	45%	45%	45%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.25.

4.2. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ những thay đổi do áp dụng hướng dẫn kế toán mới như được nêu tại mục 4.1.

4.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí tiền thuê đất. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;
- Chi phí đào tạo, quảng cáo được phân bổ;
- Chi phí mua bảo hiểm xe được phân bổ.

4.9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nhóm tài sản dưới đây có nguyên giá được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

Từ năm 2012, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm đối với 02 cầu Liebherr.

4.10. Tài sản cố định vô hình

Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích từ 03 – 06 năm.

4.11. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

4.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí lãi vay, chi phí môi giới xếp dỡ hàng hóa được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.15. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tái chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

4.16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê kho bãi.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

4.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2015, các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập như sau:

- + Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 4%
- + Quỹ đầu tư phát triển: 40%
- + Quỹ chi công tác xã hội: 3%
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi: 7%
- + Quỹ khen thưởng Ban Điều Hành: 1%

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

4.18. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.20. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.22. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.23. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 10% cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính (cảng biển) trong thời hạn 12 năm kể từ năm 2009 và được giảm 50% số thuế phải nộp từ hoạt động kinh doanh chính trong thời hạn 8 năm kể từ năm 2009. Chính sách thuế ưu đãi áp dụng đối với Công ty đã được cơ quan thuế chấp nhận trong các biên bản quyết toán thuế gần đây.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp cho tàu ngoài nước: 0%
- Thu tiền nước: 5%
- Các dịch vụ khác: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

4.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.25. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	5.335.800.010	4.936.900.507
Tài sản ngắn hạn khác	-	398.899.503
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.009.693.702	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	24.057.351	2.033.751.053
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	3.480	3.857

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tên chi tiêu	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ- BTC
Tạm ứng	Trình bày là phải thu ngắn hạn khác	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền mặt	439.630.441	516.598.887
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.410.149.072	9.269.862.074
Các khoản tương đương tiền	41.574.103.214	47.506.065.461
Cộng	<u>57.423.882.727</u>	<u>57.292.526.422</u>

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:							
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	1.665.000	-	1.665.000	1.665.000	-	1.665.000	(a)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	13.500.000	-	13.500.000	13.500.000	-	13.500.000	(b)
Cộng	<u>15.165.000</u>	<u>-</u>	<u>15.165.000</u>	<u>15.165.000</u>	<u>-</u>	<u>15.165.000</u>	
Đầu tư vào đơn vị khác:							
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	7.000.000	-	7.000.000	7.000.000	-	7.000.000	(c)
Cộng	<u>7.000.000</u>	<u>-</u>	<u>7.000.000</u>	<u>7.000.000</u>	<u>-</u>	<u>7.000.000</u>	

(a) Khoản đầu tư này chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành là: kinh doanh khai thác cầu cảng, khai thác kho tàng bến bãi, bốc xếp và vận tải hàng hóa bằng ô tô trong và ngoài cảng và các dịch vụ của ngành hàng hải, dịch vụ sửa chữa phương tiện bốc xếp, vận tải, tàu lai dắt, vận chuyển hàng hóa đường thủy, đường bộ, cung cấp nhiên liệu (xăng, dầu, dầu nhớt các loại), đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai là: cho thuê máy móc thiết bị xây dựng, cho thuê container, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, đường hầm, nạo vét sông.

(c) Khoản đầu tư này chiếm 0,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức là cho thuê đất và mặt bằng, tư vấn thiết kế, quy hoạch, lập dự án đầu tư, tư vấn quản lý dự án, giám sát, thẩm định, kiểm định công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng.

Tại thời điểm báo cáo, các khoản đầu tư vào đơn vị khác không có thông tin trên thị trường để tính toán giá trị hợp lý.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.3. Phải thu của khách hàng

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Phải thu của khách hàng cung cấp dịch vụ	46.715.715.626	43.616.500.410
Cộng	46.715.715.626	43.616.500.410
Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 9		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	37.245.780	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	49.300.790	97.555.084
Cộng	86.546.570	97.555.084

5.4. Phải thu khác

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu tiền nhượng bán cổ phiếu	2.787.300.000	-	3.987.300.000	-
Phải thu cổ tức được chia từ bên liên quan	-	-	675.000.000	-
Phải thu người lao động	410.833.000	-	398.899.503	-
Phải thu khác	334.765.185	-	274.600.507	-
Cộng	3.532.898.185	-	5.335.800.010	-

5.5. Nợ xấu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	6.930.550.853	3.658.972.268	7.581.303.887	3.419.635.628
Cộng	6.930.550.853	3.658.972.268	7.581.303.887	3.419.635.628

Các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

5.6. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	243.492.381	-
Công cụ, dụng cụ	474.210.272	-	77.914.437	-
Cộng	474.210.272	-	321.406.818	-

5.7. Tài sản dở dang dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Xây dựng cơ bản	122.967.013.269	122.563.147.636
Cộng	122.967.013.269	122.563.147.636

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tài sản xây dựng cơ bản dở dang được chi tiết như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2 (09ha)	54.084.309.525	41.407.343.923
Chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư	27.054.453.800	27.054.453.800
Mở rộng cảng Gò Dầu B giai đoạn 2	14.094.571.886	11.626.856.461
Các dự án khác	27.733.678.058	42.474.493.452
Cộng	<u>122.967.013.269</u>	<u>122.563.147.636</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	276.630.475.808	38.828.694.231	37.851.415.938	3.345.138.251	1.692.553.637	358.348.277.865
Đầu tư XD CB hoàn thành	159.570.928.057	-	-	-	-	159.570.928.057
Mua trong năm	-	17.560.214.002	1.477.391.797	841.981.895	662.750.440	20.542.338.134
Thanh lý	-	-	(74.000.000)	(157.655.000)	-	(231.655.000)
Số dư cuối năm	436.201.403.865	56.388.908.233	39.254.807.735	4.029.465.146	2.355.304.077	538.229.889.056
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	113.791.161.210	11.676.167.949	18.691.930.561	1.928.505.952	821.258.337	146.909.024.009
Khấu hao trong năm	15.417.667.710	2.641.772.695	4.510.677.681	624.773.920	306.553.954	23.501.445.960
Thanh lý	-	-	(74.000.000)	(157.655.000)	-	(231.655.000)
Số dư cuối năm	129.208.828.920	14.317.940.644	23.128.608.242	2.395.624.872	1.127.812.291	170.178.814.969
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	162.839.314.598	27.152.526.282	19.159.485.377	1.416.632.299	871.295.300	211.439.253.856
Tại ngày cuối năm	306.992.574.945	42.070.967.589	16.126.199.493	1.633.840.274	1.227.491.786	368.051.074.087

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 295.634.111.693 đồng - Xem thêm mục 5.11
 Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 43.109.573.999 đồng.
 Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai là 31.208.636.053 đồng.

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	1.818.363.207	540.700.000	2.359.063.207
Mua trong năm	-	249.000.000	249.000.000
Số dư cuối năm	1.818.363.207	789.700.000	2.608.063.207
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	1.818.363.207	258.902.787	2.077.265.994
Khấu hao trong năm	-	162.151.075	162.151.075
Số dư cuối năm	1.818.363.207	421.053.862	2.239.417.069
Giá trị còn lại:			
Tại ngày đầu năm	-	281.797.213	281.797.213
Tại ngày cuối năm	-	368.646.138	368.646.138

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.818.363.207 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.11. Vay và nợ thuế tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	58.805.901.794	58.805.901.794	170.451.392.754	155.131.376.532	43.485.885.572	43.485.885.572	
Vay dài hạn	182.524.066.835	182.524.066.835	113.104.593.020	32.124.071.909	101.543.545.724	101.543.545.724	
Cộng	241.329.968.629	241.329.968.629	283.555.985.774	187.255.448.441	145.029.431.296	145.029.431.296	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Vay ngắn hạn	Loại tiền	Lãi suất	31/12/2015	01/01/2015	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	6,3%/năm	15.630.095.309	15.726.523.274	(a)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	6,3%/năm	11.219.526.243	10.872.379.181	(b)
Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt	VND	6,3%/năm	-	4.549.183.117	
Vay dài hạn đến hạn trả					
Quý Đầu Tư Phát Triển	VND	7,8% - 8,4%/năm	19.075.000.000	7.968.000.000	(c)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,4%/năm	5.824.800.000	3.574.800.000	(d)
Ngân hàng TMCP Phương Đông	VND	7,97% - 8,5%/năm	4.343.980.242	795.000.000	(e)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	7%/năm	2.712.500.000	-	(f)
Cộng			58.805.901.794	43.485.885.572	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Khoản vay dài hạn	Loại tiền	Lãi suất	31/12/2015	01/01/2015	VND
Quý Đầu Tư Phát Triển	VND	7,8% - 8,4%/năm	85.310.109.247	50.512.790.579	(c)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,4%/năm	25.225.647.961	19.825.755.145	(d)
Ngân hàng TMCP Phương Đông	VND	7,97% - 8,5%/năm	47.742.476.294	31.205.000.000	(e)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	7%/năm	24.245.833.333	-	(f)
Cộng			182.524.066.835	101.543.545.724	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

(a) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Xe cầu Lima 700TC-02 (01 chiếc)
- Xe cầu bánh lốp P&H 670TC (01 chiếc)
- Cần trục bánh lốp Halla American 5530 (01 chiếc)

(Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 58/12/VCB.BH)

- Toàn bộ công trình xây dựng, hệ thống cầu, bến cảng và các công trình phụ trợ tại cảng Gò Dầu A, cảng Gò Dầu B theo văn bản cam kết ngày 24/01/2013 (Hợp đồng thế chấp số 58/12/VCB.BH ngày 12/3/2012)

(b) Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Cầu cảng LBT bến 2000 tấn
- Cầu cảng LBT bến 5000 tấn
- Cầu nối 2 khu vực
- Nâng cấp bến 2000 lên 5000 DWT

(Hợp đồng thế chấp tài sản số 23/2013/HĐTC-TD ngày 09/12/2013)

- 2 cầu Libebherr (Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/2014.HĐTC-TD ngày 24/12/2014)

- 01 xe Toyota Altis 60V 9433
- 01 xe Inova 60S-0595
- 01 máy đào bánh xích 60XA-0660
- 01 máy đào bánh xích 60XA-0659
- 01 trạm cân 80T-GDB
- 01 xe nâng container 45 tấn hiệu Kalmar Reachstacker

(Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/2012/HĐTC-TD ngày 25/12/2012 và tài sản hình thành sau đầu tư)

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ công trình xây dựng trên đất và tài sản đầu tư trên đất, khoản tiền bảo hiểm đối với tài sản của dự án nâng cấp mở rộng cầu cảng số 2 (bến sà lan 3.000 DWT) tại Phường Long Bình Tân, Đồng Nai (Theo hợp đồng thế chấp số 094/14/VCB.BH).

- Chân đế trụ cầu thuộc công trình bến sà lan 3.000 DWT tại phường Long Bình Tân
- 01 cầu bờ cố định 40T/30m-Macgregor GL4030-2

(Theo hợp đồng thế chấp số 211/14/VCB.BH)

- Công trình đồng bộ - nhà kho CFS diện tích 5.250m² (thuộc dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2 tại Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai) (Theo hợp đồng thế chấp số 054.13)

- Xe cầu Lima 700TC-02 (01 chiếc)
- Xe cầu bánh lốp P&H 670TC (01 chiếc)
- Cần trục bánh lốp Halla American 5530 (01 chiếc)

(Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 58/12/VCB.BH)

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Quyền sử dụng đất hình thành trong tương lai từ dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2B tại Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 55.288m² (Hợp đồng thế chấp tài sản số 0145/2015/BĐ).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Thửa đất số 575/TLBV dự án đầu tư mở rộng cảng Đồng Nai tại Phường Long Bình Tân, diện tích 91.843m² (Hợp đồng thế chấp tài sản số 197/2014/BĐ)

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tất cả các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất, các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác bãi hoặc hạ tầng kỹ thuật trên bãi, quyền nhận tiền từ hợp đồng, quyền đòi nợ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm, quyền nhận các khoản tiền bồi thường phạt vi phạm,... và tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất 157.544,4 m² tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và bãi cấp phối sỏi dỏ 7,15ha và 2,17ha thuộc dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2 tại Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/CĐN/2015/HĐTC).

Giá trị còn lại của các khoản tài sản cầm cố thế chấp – xem thêm mục 5.8

5.12. Phải trả người bán

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:					
Tổng Công ty Xây Dựng Bạch Đằng	7.455.774.599	7.455.774.599	-	-	
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bốc Dỡ Bình Khánh	5.704.586.001	5.704.586.001	3.984.961.324	3.984.961.324	
Tổng Công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 6	5.467.304.962	5.467.304.962	-	-	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	5.129.117.692	5.129.117.692	3.183.921.090	3.183.921.090	
Phải trả cho các đối tượng khác	22.222.392.563	22.222.392.563	13.389.139.843	13.389.139.843	
Cộng	45.979.175.817	45.979.175.817	20.558.022.257	20.558.022.257	

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 9

Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	5.129.117.692	5.129.117.692	3.183.921.090	3.183.921.090
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	122.438.191	122.438.191	107.691.781	107.691.781
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học	12.492.500	12.492.500	8.912.500	8.912.500
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	7.700.000	7.700.000	3.300.000	3.300.000
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	7.400.000	7.400.000	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	-	-	72.442.260	72.442.260
Cộng	5.279.148.383	5.279.148.383	3.376.267.631	3.376.267.631

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND			
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	148.375.303	2.271.109.206	2.070.440.266	349.044.243
Thuế thu nhập doanh nghiệp	226.098.772	3.064.995.660	2.376.365.608	914.728.824
Cộng	374.474.075	5.336.104.866	4.446.805.874	1.263.773.067

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.14. Chi phí phải trả

	Cuối năm	VND Đầu năm
Chi phí thuê cầu trục làm hàng tại bến tàu 30.000 DWT	818.181.818	-
Chi phí lãi vay	751.092.788	316.063.816
Chi phí thuê thiết bị xếp dỡ, công nhân phải trả	188.595.627	61.462.909
Cộng	1.757.870.233	377.526.725

5.15. Phải trả khác

	Cuối năm	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Phải trả về tiền đền bù trạm nước xã Phước Thái, nạo vét luồng vào Cảng Gò Dầu	1.373.382.250	1.373.382.250
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	69.753.660	243.735.110
Các khoản phải trả, phải nộp khác	376.963.105	457.022.325
Cộng	1.820.099.015	2.074.139.685

5.16. Doanh thu chưa thực hiện

Là khoản doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê kho bãi.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.17. Vốn chủ sở hữu**5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
Số dư đầu năm trước	82.319.980.000	74.434.806.545	73.323.843.424	9.330.116.999	2.312.671.428	38.225.378.803	279.946.797.199
Tăng/(giảm) vốn trong năm	41.159.890.000	-	(41.159.890.000)	-	-	-	-
Tăng/(giảm) khác trong năm	-	-	9.330.116.999	(9.330.116.999)	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	47.631.180.804	47.631.180.804
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	19.260.905.470	-	-	(19.260.905.470)	-
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	1.704.194.677	(1.704.194.677)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.982.340.685)	(2.982.340.685)
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	-	-	(1.278.146.008)	(1.278.146.008)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(9.878.397.600)	(9.878.397.600)
Số dư đầu năm nay	123.479.870.000	74.434.806.545	60.754.975.893	-	4.016.866.105	50.352.575.167	313.039.093.710
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	50.978.500.636	50.978.500.636
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	42.515.975.795	-	-	(42.515.975.795)	-
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	1.806.379.072	(1.806.379.072)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.322.326.754)	(6.322.326.754)
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	-	-	(1.354.784.304)	(1.354.784.304)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(20.991.577.900)	(20.991.577.900)
Số dư cuối năm	123.479.870.000	74.434.806.545	103.270.951.688	-	5.823.245.177	27.940.031.978	334.948.905.388

VND



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ	62.974.800.000	62.974.800.000
Vốn góp của các đối tượng khác	60.505.070.000	60.505.070.000
Cộng	123.479.870.000	123.479.870.000

5.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu năm	123.479.870.000	82.319.980.000
Vốn góp tăng trong năm	-	41.159.890.000
Vốn góp cuối năm	123.479.870.000	123.479.870.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.991.577.000	9.878.397.600

5.17.4. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	12.347.987	12.347.987
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	12.347.987	12.347.987

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.17.5. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	47.817.337.259	47.817.337.259
Tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	12.347.987	12.347.987
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	3.872	3.480

5.17.6. Cổ tức

Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên năm 2015 ngày 10 tháng 04 năm 2015 đã thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015 là chia cổ tức với tỷ lệ 17% trên vốn điều lệ.

5.17.7. Các quỹ của doanh nghiệp

		VND
	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm	60.754.975.893	4.016.866.105
Trích trong năm	42.515.975.795	1.806.379.072
Chi trong năm	-	-
Số dư cuối năm	103.270.951.688	5.823.245.177

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	322.426.198.412	267.500.998.188
Doanh thu khác	-	2.600.378.851
Cộng	322.426.198.412	270.101.377.039

Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 9

Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	617.533.687	545.291.398
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	1.158.607.450	416.230.345
Cộng	1.776.141.137	961.521.743

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	214.471.703.871	167.612.296.831
Giá vốn khác	-	2.600.378.851
Cộng	214.471.703.871	170.212.675.682

Trong đó, giá vốn các dịch vụ các bên có liên quan cung cấp – Xem thêm mục 9

Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	409.881.510	766.214.380
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	27.812.462.958	27.895.325.117
Cộng	28.222.344.468	28.661.539.497

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.536.407.662	543.037.484
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.851.537.500	1.848.745.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.876.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	51.198.048	13.687.115
Cộng	3.452.019.210	2.405.469.599

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền vay	9.572.733.069	5.716.758.064
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.520.000	558.605
Cộng	9.602.267.184	5.717.316.669

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nhân viên	2.612.661.846	1.984.384.508
Chi phí bằng tiền khác	10.520.074.957	10.911.049.185
Cộng	13.132.736.803	12.895.433.693

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	14.364.219.973	12.168.764.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.062.956.171	8.321.816.205
Chi phí khác bằng tiền	8.473.917.952	7.175.515.582
Thuế, phí, lệ phí	3.130.867.637	574.262.045
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	239.336.650	484.060.316
Các khoản chi phí quản lý khác	4.676.248.821	4.615.227.711
Cộng	35.947.547.204	33.339.646.019

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	10.516.911.275	7.000.000
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	18.700.000	450.000.000
Lãi thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	136.144.000	-
Phí chia sẻ ứng cứu tràn dầu	42.000.000	60.000.000
Thu nhập khác	153.038.602	71.910.705
Cộng	10.866.793.877	588.910.705

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí sửa chữa tài sản bị hỏng	9.415.252.302	347.982.733
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	60.854.294
Các khoản bị phạt	-	194.600.000
Các khoản khác	165.200.535	4.844.544
Cộng	9.580.452.837	608.281.571

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.493.764.539	13.295.469.474
Chi phí nhân công	48.172.536.703	42.885.030.042
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.663.597.035	20.412.821.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.213.796.692	116.422.006.112
Chi phí khác bằng tiền	19.008.292.909	20.832.049.222
Cộng	263.551.987.878	213.847.376.544

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	54.010.303.600	50.322.403.709
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.433.068.058	866.193.964
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.851.537.500)	(1.848.745.000)
Thu nhập tính thuế	55.591.834.158	49.339.852.673
Trong đó:		
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế suất ưu đãi 10%</i>	54.108.238.535	49.160.337.600
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động khác chịu thuế suất phổ thông 22%</i>	1.483.595.623	179.515.073
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	5.410.823.854	4.916.033.760
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động khác	326.391.037	39.493.316
Trừ: Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính được giảm 50% số thuế phải nộp trong 8 năm từ năm 2009	(2.705.411.927)	(2.458.016.880)
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	-	193.712.709
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.031.802.964	2.691.222.905

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	251.598.580.532
Cộng	251.598.580.532

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	155.298.043.199
Cộng	155.298.043.199

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Công ty chỉ có hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là dịch vụ cảng biển tại khu vực Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực đại lý cần thiết phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng tập đoàn
5. Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học	Công ty cùng tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng tập đoàn
8. Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Tổng Giám đốc
9. Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Tổng Giám đốc
10. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

▪ Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải thu – Xem thêm mục 5.3		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	37.245.780	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	49.300.790	97.555.084
Cộng	86.546.570	97.555.084

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải trả - Xem thêm mục 5.12		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	(5.129.117.692)	(3.183.921.090)
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	(122.438.191)	(107.691.781)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học	(12.492.500)	(8.912.500)
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	(7.700.000)	(3.300.000)
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	(7.400.000)	-
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	-	(72.442.260)
Cộng	(5.279.148.383)	(3.376.267.631)

▪ Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	Năm này	VND Năm trước
Cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 6.1		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	617.533.687	545.291.398
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	1.158.607.450	416.230.345
Cộng	1.776.141.137	961.521.743

	Năm nay	VND Năm trước
Mua dịch vụ - Xem thêm mục 6.2		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	409.881.510	766.214.380
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	27.812.462.958	27.895.325.117
Cộng	28.222.344.468	28.661.539.497

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	306.000.000	138.000.000
Thu nhập Tổng Giám đốc	1.018.654.000	1.168.018.594
Thu nhập các nhân viên quản lý chủ chốt khác	1.544.355.800	1.442.680.322
Cộng	2.869.009.800	2.748.698.916

10. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nhà cửa, nhà xưởng, máy móc và thiết bị	31.208.636.053	48.921.450.000

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 14 tháng 01 năm 2016.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

VŨ THỊ QUỲNH TRANG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HUỲNH NGỌC TUẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ BẠCH MAI